

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách đầu năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTNT THCS & THPT H.TUY ĐỨC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số Quyết định số 2668/QĐ- SGDĐT ngày 27/12/2021 của Sở giáo dục và đào tạo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách NN năm 2022;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Trường PTDTNT THCS & THPT H.Tuy Đức (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Các phòng ban, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG



Bàn Văn Chàng

Số: 2668/QĐ-SGDĐT

Đắk Nông, ngày 27 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 cho cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông (có chi tiết kèm theo).

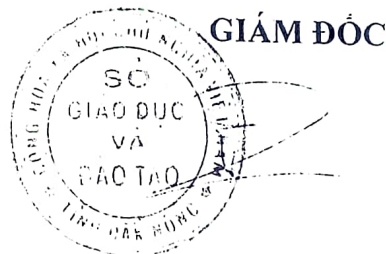
Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo; các phòng, đơn vị có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /...

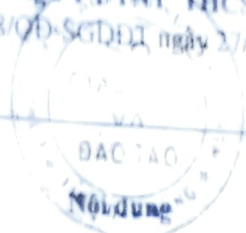
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN Đắk Nông;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Lưu: VT, TCCB-TC_(bq).



Nguyễn Văn Toàn

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022
 Đơn vị: Trường PT, DTNT, THCS & THPT Tuy Đức
 (kèm theo Quyết định số 2668/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)



STT	Nội dung	DVT: 1.000 đồng	
		Kinh phí	
		Loại 070 khoản 073	
1	Dự toán thu		
1	Thu sự nghiệp		
2	Chi từ nguồn thu để lại		
	Trong đó: Trích tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định (40%)		
II	Dự toán chi NSNN		
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.907.840	
	Lương và chi khác theo quy định	4.144.000	
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.144.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú theo Thông tư liên tịch 109/2009/TTLT-BTC - BGDĐT (bao gồm học bổng và chi khác)	3.763.840	
	Mua sắm thiết bị dạy học lớp 10 (32 đơn vị trực thuộc) năm học 2022-2023 theo Chương trình mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo	3.703.840	
		60.000	

**SỞ GIAO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PTDTNT THCS & THPT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

H.Tuy Đức
Số: 04a /QĐ- PTDTNTTĐ

Tuy Đức, ngày 31 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai báo cáo quyết toán năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTNT THCS & THPT H.TUY ĐỨC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu báo cáo quyết toán ngân sách NN năm 2022 của Trường PTDTNT THCS & THPT H.Tuy Đức (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Các phòng ban, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG



Bàn Văn Chưởng

... số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
 Thông Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT huyện Tuy Đức

12

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

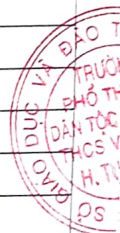
Năm 2022

(Kèm theo Quyết định số 62/QĐ-ĐC ngày 27/12/22 của)

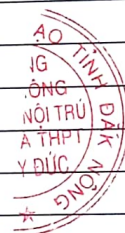
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
1	Lệ phí			
2	Phí			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	7.918.618.497	7.918.618.497	
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.918.618.497	7.918.618.497	
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7.918.618.497	7.918.618.497	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.463.177.025	4.463.177.025	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.455.441.472	3.455.441.472	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			



	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
II	Nguồn vốn viện trợ			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			



Đơn vị: Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS
và THPT huyện Tuy Đức
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

19... ngày 30 tháng 1 năm 23.

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Năm 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/ND-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí		7.918.618.497		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		7.918.618.497		
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				



STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		7.918.618.497		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		4.463.177.025		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		3.455.441.472		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

TÁC
DONG
THONG
C NỘ TR
VÀ THPT
TUY ĐỨC
ĐN

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày ...30... tháng ...1... năm ...23...

Thủ trưởng đơn vị
 (Chữ ký, dấu)



Bàn Văn Thắng



QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách điều chỉnh, bổ sung năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTNT THCS & THPT H.TUY ĐỨC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 2668 /QĐ- SGDĐT ngày 27/12/2021 của Sở giáo dục và đào tạo về việc điều chỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách NN năm 2022;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách điều chỉnh, bổ sung năm 2022 của Trường PTDTNT THCS & THPT H.Tuy Đức (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Các phòng ban, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG



Bàn Văn Chàng

Số: 1289/QĐ-SGDDT

Đắk Nông, ngày 14 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ, điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2022

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phân bổ, điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2022;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm dự toán chi NSNN năm 2022 theo kết luận cơ quan kiểm toán của các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chi tiết theo phụ lục 01 kèm theo.

Điều 2. Bổ sung dự toán chi NSNN năm 2022 cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chi tiết theo phụ lục 02 kèm theo.

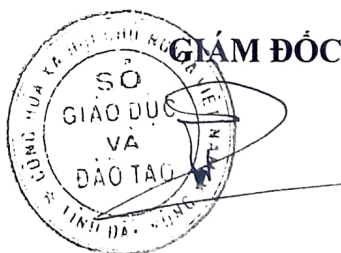
Điều 3. Căn cứ dự toán được giao, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Sở Tài chính;
- KBNN Đắk Nông;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Lưu: VT, TCCBTC(D).

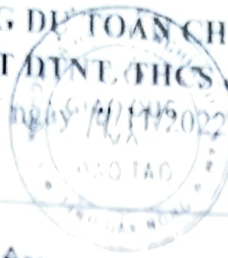


Nguyễn Văn Toàn

CHI TIẾT BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: Trường PT DTNT, THCS & THPT Tuy Đức

Số quyết định số 100/QĐ-SGDDT ngày 14/11/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông)

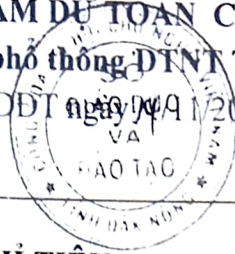


Đơn vị tính: Đồng

ST	CHI TIÊU	Kinh phí không thực hiện tự chủ
	Tổng cộng	20.000.000
1	Chi sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo - Loại 070 khoản 073	20.000.000
-	Kinh phí tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT	20.000.000

CHI TIẾT GIẢM DƯ TOÁN CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: Trường phổ thông DTNT THCS & THPT Tuy Đức
quyết định số 28/QĐ-SGDĐT ngày 04/11/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông)



Đơn vị tính: Đồng

CHI TIÊU		Số tiền
Kinh phí thực hiện tự chủ - Loại 070 khoản 073		150.000.000
1	Lương và chi khác theo quy định	150.000.000

Số: 965/QĐ-SGDĐT

Đắk Nông, ngày 29 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh giao dự toán NSNN năm 2022

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Công văn số 1629/STC-QLNS ngày 22/8/2022 của Sở Tài chính về ý kiến về phương án phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 của đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông (có chi tiết kèm theo).

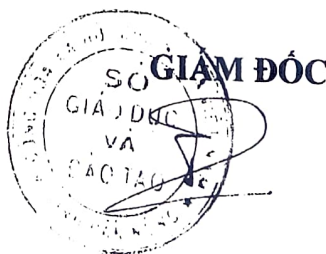
Điều 2. Căn cứ dự toán điều chỉnh, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Sở Tài chính;
- KBNN Đắk Nông;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Lưu: VT, TCCBTC_(DD).



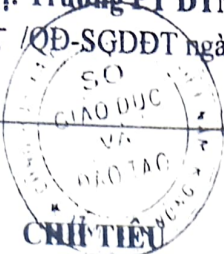
Nguyễn Văn Toàn

CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH GIAO DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: Trường PT DTNT THCS & THPT Tuy Đức

o quyết định số 965 /QĐ-SGDĐT ngày 29/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT		Điều chỉnh giao dự toán chi NSNN	
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm
1	Kinh phí không thực hiện tự chủ - Loại 070 khoản 085	21	-
	Kinh phí đào tạo cán bộ công chức	21	
	Tổng cộng	21	-

Số: 124/QĐ-SGDĐT

Đắk Nông, ngày 31 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh giao dự toán NSNN năm 2022

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Thông báo số 79/TB-SGDĐT ngày 12/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc điều chuyển số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, năm 2022; Thông báo số 95/TB-SGDĐT ngày 4/10/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc điều chuyển biên chế sự nghiệp từ Trường THPT THCS & THPT Lê Hữu Trác năm 2022;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 của đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông (có chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ dự toán điều chỉnh, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / Nguyễn Văn Toàn

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Sở Tài chính;
- KBNN Đắk Nông;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Lưu: VT, TCCBTC(D).



CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH GIAO DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: Trường PT DTNT THCS & THPT Tuy Đức

theo quyết định số 1240/QĐ-SGDĐT ngày 31/10/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông)



Đơn vị tính: Đồng

TT	CHỈ TIÊU	Điều chỉnh giao dự toán chi NSNN	
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm
1	Kinh phí thực hiện tự chủ - Loại 070 khoản 073	-	31.000.000
	Lương và chi khác theo quy định	-	31.000.000
	Tổng cộng	-	31.000.000

Đắk Nông, ngày 29 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh giao dự toán NSNN năm 2022

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Công văn số 1629/STC-QLNS ngày 22/8/2022 của Sở Tài chính về ý kiến về phương án phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 của đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông (có chi tiết kèm theo).

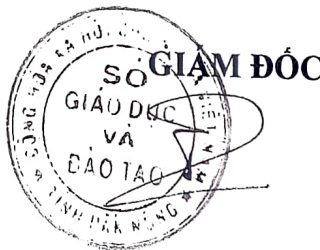
Điều 2. Căn cứ dự toán điều chỉnh, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Sở Tài chính;
- KBNN Đắk Nông;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Lưu: VT, TCCBTC(D).



Nguyễn Văn Toàn

CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH GIAO DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: Trường PT DTNT THCS & THPT Tuy Đức

Quyết định số 965/QĐ-SGDĐT ngày 29/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng



TT		Điều chỉnh giao dự toán chi NSNN	
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm
1	Kinh phí không thực hiện tự chủ - Loại 070 khoản 085	21	-
	Kinh phí đào tạo cán bộ công chức	21	-
	Tổng cộng	21	-

Số: 1290/QĐ-SGDĐT

Đắk Nông, ngày 14 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2022

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Công văn số 2270/STC-QLNS ngày 14/11/2022 của Sở Tài chính về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông (có chi tiết kèm theo).

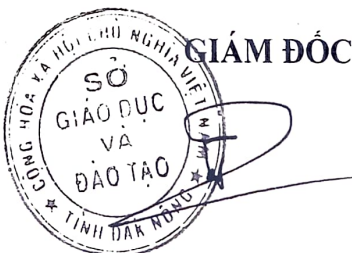
Điều 2. Căn cứ dự toán điều chỉnh, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Sở Tài chính;
- KBNN Đắk Nông;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Lưu: VT, TCCBTC_(D).

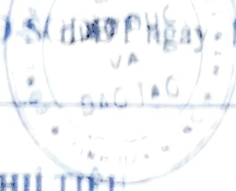


Nguyễn Văn Toàn

TIẾT ĐIỀU CHỈNH GIAO DƯ TOÁN CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: Trường **PĐ CN THCS & THPT Tuy Đức**

Quyết định số 1290/QĐ-**SGDĐT** Ngày: 14/11/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông / Đơn vị tính: Đồng



CHI TIẾT

Điều chỉnh giao dự toán chi NSNN

Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm
-----------------	-----------------

17

1

Kinh phí không thực hiện tự chủ

Loại 070 khoản 073

Kinh phí thực hiện chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú theo Thông tư liên tịch

109/2009/TTLT-BTC - BGDDT (bao gồm học bổng và chi khác)

68.000.000

68.000.000

68.000.000

Số: 13/QĐ-SGDĐT

Đắk Nông, ngày 15 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh giao dự toán NSNN năm 2022

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Công văn số 1402/STC-QLNS ngày 22/7/2022 của Sở Tài chính về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 của đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông (có chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ dự toán điều chỉnh, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Sở Tài chính;
- KBNN Đắk Nông;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Lưu: VT, TCCBTC_(Đ).



Nguyễn Văn Toàn

CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH GIAO DƯ TOÁN CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: Trường PT DTNT THCS & THPT Tuy Đức

theo quyết định số 228/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Điều chỉnh giao dự toán chi NSNN	
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm
1	Kinh phí không thực hiện tự chủ - Loại 070 khoản 085	8	-
	Kinh phí đào tạo cán bộ công chức	8	-
	Tổng cộng	8	-

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai chi thường xuyên và chế độ của học sinh ngân sách năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTNT THCS & THPT H.TUY ĐỨC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số Quyết định số 2668 /QĐ- SGDDĐT ngày 27/12/2021 của Sở giáo dục và đào tạo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách NN năm 2022;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Trường PTDTNT THCS & THPT H.Tuy Đức (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Các phòng ban, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG



Bàn Văn Chưởng

Số: 18 /KHTS-PT DTNT

Tuy Đức, ngày 09 tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH
TUYỂN SINH VÀO LỚP 6 VÀ TUYỂN BỔ SUNG CẤP THCS
NĂM HỌC 2022 - 2023

Thực hiện Công văn 467/SGDĐT-GDTrH-QLCL ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh THCS, THPT năm học 2022-2023, Trường PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức xây dựng phương án tuyển sinh vào lớp 6 và tuyển bổ sung cấp THCS năm học 2022-2023 cụ thể như sau:

1. Các văn bản căn cứ

- Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT, ngày 28/3/ 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú;

- Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT, ngày 18/4/2014, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 18/2014/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

- Quyết định 592/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Quyết định số 224/QĐ-SGDĐT ngày 23/04/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông về việc ban hành Quy định nội dung thực hiện các phương thức tuyển sinh, chế độ ưu tiên đối với tuyển sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Hướng dẫn số 467/SGDĐT-GDTrH-QLCL ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh THCS, THPT năm học 2022-2023.

- Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND huyện Tuy Đức về việc phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh lớp 6 vào trường PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức năm học 2022-2023.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 6

Chỉ tiêu học sinh năm học 2022-2023: 35 học sinh.

3. Đối tượng tuyển sinh

- Thanh niên, thiếu niên là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) trên địa bàn huyện Tuy Đức.

- Người Kinh có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) trên các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tại huyện Tuy Đức. (gồm các xã : Quảng Tâm, Quảng Tân, Quảng Trục, Đắk Ngo, Đắk R'tih và 02 bon (Bon Bu Boong và Bon Bu NDRung) thuộc xã Đắk Búk So.

4. Phương thức tuyển sinh, chế độ ưu tiên, tuyển thẳng

4.1. Phương thức tuyển sinh: thực hiện phương thức xét tuyển theo phân bổ chỉ tiêu cho các xã (xã, phường, thị trấn) được UBND huyện Tuy Đức phê duyệt tại Quyết định 731/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND huyện Tuy Đức, cụ thể:

Xã Đắk Ngo: 08 chỉ tiêu; Xã Đắk R'lih: 08 chỉ tiêu; Xã Quảng Tân: 04 chỉ tiêu; Xã Quảng Trục: 08 chỉ tiêu; Xã Đắk Búk So: 04 chỉ tiêu; Xã Quảng Tâm: 03 chỉ tiêu.

4.2. Điểm xét tuyển

- Điểm tính theo tổng điểm kiểm tra định kỳ cuối năm học của các môn Toán, Tiếng Việt các lớp 1, 2, 3, 4, 5.

- Điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chế độ ưu tiên tối đa không quá 1,5 điểm.

- Điểm xét tuyển là tổng số điểm của:

+ Điểm tính theo tổng điểm kiểm tra định kỳ cuối năm học của các môn Toán, Tiếng Việt các lớp 1, 2, 3, 4, 5;

+ Điểm cộng thêm cho đối tượng ưu tiên.

4.3. Chế độ ưu tiên

- Cộng 1,5 điểm cho một trong các đối tượng sau (nhóm đối tượng 1):

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;

+ Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;

+ Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

+ Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;

+ Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

- Cộng 1,0 điểm cho một trong các đối tượng sau (nhóm đối tượng 2):

+ Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

+ Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;

+ Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;

+ Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

- Cộng 0,5 điểm cho một trong các đối tượng sau (nhóm đối tượng 3):

+ Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;

+ Người dân tộc thiểu số;

+ Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Thí sinh có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

5. Về cơ cấu thành phần dân tộc, tỷ lệ tuyển sinh vào trường

5.1. Dân tộc Kinh

- Tuyển sinh không quá 5% tổng chỉ tiêu tuyển sinh được giao đối với dân tộc Kinh (đối với thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên ở vùng đặc biệt khó khăn - Vùng III);

- Xét theo điểm xét tuyển theo nguyên tắc từ cao xuống thấp của tất cả số dân tộc Kinh đủ điều kiện dự tuyển.

5.2. Đối với dân tộc thiểu số tại chỗ

- Xét tuyển 60% tổng chỉ tiêu tuyển sinh được giao dành cho dân tộc tại chỗ: Ê đê, M'Nông, Mạ (theo quy định tại công văn 386/SGDDT-GDTrH ngày 06/4/2010).

- Xét theo điểm xét tuyển theo nguyên tắc từ điểm xét tuyển cao xuống thấp của tất cả dân tộc tại chỗ đủ điều kiện dự tuyển.

5.3. Đối với dân tộc thiểu số khác

- Xét tuyển 35% tổng chỉ tiêu tuyển sinh được giao dành cho dân tộc thiểu số khác.

- Xét theo điểm xét tuyển theo nguyên tắc từ cao xuống thấp của tất cả dân tộc khác đủ điều kiện dự tuyển.

Lưu ý:

- Căn cứ vào cơ cấu tỷ lệ thành phần dân tộc chỉ tiêu được phân bổ của từng xã và tổng điểm xét tuyển của học sinh trên xã đó, Hội đồng tuyển sinh xét tuyển từ điểm cao đến điểm thấp cho đủ chỉ tiêu được giao.

- Nếu nhiều học sinh có điểm bằng nhau thì phân biệt bằng tổng điểm kiểm tra định kỳ Toán và Tiếng Việt cuối năm học lớp 5, nếu vẫn có trường hợp bằng nhau thì xét đến các thành tích học tập các bộ môn khác và các yếu tố nhận xét trong học bạ.

- Nếu số hồ sơ học sinh của các xã nộp vào thiếu so với chỉ tiêu được giao thì Hội đồng sẽ chuyển chỉ tiêu cho các xã khác.

6. Hồ sơ dự tuyển

- Đơn xin vào học (theo mẫu và có xác nhận của UBND địa phương).
- Lý lịch cá nhân (theo mẫu và có xác nhận của UBND địa phương).
- Giấy khai sinh (bản sao giấy khai sinh hoặc bản phô tô được công chứng).
- Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình Tiểu học (bản chính hoặc bản phô tô được công chứng).
- Học bạ cấp Tiểu học (bản chính).
- Giấy khám sức khỏe của trung tâm y tế huyện cấp (xác nhận đảm bảo sức khỏe để học tập tập trung và ăn, ở, sinh hoạt tại khu nội trú lâu dài).
- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).
- Bản sao Sổ hộ khẩu (là bản phô tô Sổ hộ khẩu được công chứng, hoặc bản phô tô kèm theo bản chính để đối chiếu).
- Bốn (04) ảnh 3cm x 4cm (ảnh chụp kiểu chân dung).

7. Tuyển bổ sung vào các lớp 7, 8, 9

7.1. Chỉ tiêu tuyển bổ sung:

- Căn cứ tình hình số lượng học sinh đang học tại trường, số lượng học sinh chuyển trường, học sinh xin nghỉ học đi học nghề... năm học 2022-2023 nhà trường tuyển bổ sung cho đủ chỉ tiêu được giao.

- Chỉ tiêu tuyển bổ sung năm học 2022-2023: khối lớp 8: 06 học sinh; khối lớp 9: 03 học sinh.

7.2. Đối tượng tuyển sinh

Là học sinh dân tộc thiểu số đã hoàn thành chương trình lớp hiện tại của năm học 2021-2022 tại các trường trung học cơ sở và năm học 2021-2022 đủ điều kiện xét lên lớp.

7.3. Hồ sơ dự tuyển

- Hồ sơ đăng ký tuyển bổ sung (theo mẫu quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo, hồ sơ được phát hành tại trường PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức).
- Giấy khai sinh (bản sao giấy khai sinh hoặc bản phô tô được công chứng).

- Học bạ (bản chính).
- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

7.4. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển dựa trên cơ sở kết quả học tập và rèn luyện của học sinh trong năm học 2021-2022 kết hợp với chế độ ưu tiên theo Quyết định số 224/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2018 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông.

8. Thời gian thực hiện

- Phát hành hồ sơ: từ ngày 30/5/2022 đến hết ngày 10/6/2022
- Thu hồ sơ: từ ngày 13/6/2022 đến hết ngày 05/7/2022

Lưu ý: ngày 05/7/2022 là hạn chót thu nhận hồ sơ dự tuyển

- Niêm yết danh sách trúng tuyển và trả hồ sơ cho thí sinh không trúng tuyển: ngày 07/7/2022.

Trên đây là Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 6 và tuyển sinh bổ sung THCS năm học 2022-2023 của trường Phổ thông DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức trình UBND huyện xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- UBND huyện (để duyệt KH);
- HT, các PHT;
- Hội đồng tuyển sinh trường;
- Trang Website trường;
- PGD Tuy Đức, các trường THCS (p/h)
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Bàn Văn Chưởng

DUYỆT CỦA UBND HUYỆN TUY ĐỨC



KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Phương



Số: 19 /KHTS-PT DTNT

Tuy Đức, ngày 09 tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 VÀ TUYỂN BỔ SUNG CẤP THPT
NĂM HỌC 2022 - 2023

Thực hiện Công văn 467/SGDĐT-GDTrH-QLCL ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh THCS, THPT năm học 2022-2023, Trường PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức xây dựng phương án tuyển sinh vào lớp 6 và tuyển bổ sung cấp THCS năm học 2022-2023 cụ thể như sau

1. Các văn bản căn cứ

- Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT, ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú;

- Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT, ngày 18/4/2014, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 18/2014/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

- Quyết định 592/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Quyết định số 224/QĐ-SGDĐT ngày 23/04/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông về việc ban hành Quy định nội dung thực hiện các phương thức tuyển sinh, chế độ ưu tiên đối với tuyển sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Hướng dẫn số 467/SGDĐT-GDTrH-QLCL ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh THCS, THPT năm học 2022-2023.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10

Chỉ tiêu học sinh lớp 10 năm học 2022-2023: 35 học sinh.

3. Đối tượng tuyển sinh

- Thanh niên, thiếu niên là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) trên địa bàn huyện Tuy Đức.



- Người Kinh có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) trên các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tại huyện Tuy Đức. (gồm các xã : Quảng Tâm, Quảng Tân, Quảng Trục, Đắc Ngo, Đắc R'itih và 02 bon (Bon Bu Boong và Bon Bu NDRung) thuộc xã Đắc Buk So.

4. Phương thức tuyển sinh, chế độ ưu tiên, tuyển thẳng

4.1. Phương thức tuyển sinh: thực hiện phương thức xét tuyển trên toàn địa bàn huyện Tuy Đức theo Điều 18, Điều 19, Điều 20 chương IV của thông tư số 01.

4.2. Điểm xét tuyển: thực hiện theo Quyết định số 224/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2018 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông, cụ thể:

- Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập mỗi năm học của học sinh trung học cơ sở được tính như sau:

- + Hạnh kiểm tốt, học lực giỏi: 10 điểm;
- + Hạnh kiểm khá, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực khá: 9 điểm;
- + Hạnh kiểm khá, học lực khá: 8 điểm;
- + Hạnh kiểm trung bình, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực trung bình: 7 điểm;
- + Hạnh kiểm khá, học lực trung bình hoặc hạnh kiểm trung bình, học lực khá: 6 điểm;
- + Các trường hợp còn lại: 5 điểm.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm của điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập của 04 năm học ở THCS (nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó) với điểm cộng thêm cho đối tượng ưu tiên.

- Nếu nhiều thí sinh dự tuyển có tổng điểm xét tuyển bằng nhau thì xét tiêu chí phụ, lấy tổng điểm trung bình cả năm học lớp 9 của tất cả các môn có tính điểm trung bình để xếp từ cao xuống thấp; nếu vẫn có trường hợp bằng điểm nhau thì phân biệt bằng tổng điểm trung bình cả năm của môn Toán và môn Ngữ văn của năm học lớp 9.

4.3. Chế độ ưu tiên

- Cộng 1,5 điểm cho một trong các đối tượng sau (nhóm đối tượng 1):

- + Con liệt sĩ;
- + Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;
- + Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;
- + Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;
- + Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

- + Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;
- + Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

- Cộng 1,0 điểm cho một trong các đối tượng sau (nhóm đối tượng 2):

+ Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

+ Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;

+ Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;

+ Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

- Cộng 0,5 điểm cho một trong các đối tượng sau (nhóm đối tượng 3):

+ Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;

+ Người dân tộc thiểu số;

+ Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Trường hợp thí sinh dự tuyển có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng nêu trên thì chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

4.4. Tuyển thẳng vào trường đối với các đối tượng sau:

- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người;

- Học sinh thuộc đối tượng theo quy định đạt giải cấp Quốc gia trở lên về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.

5. Về cơ cấu thành phần dân tộc, tỷ lệ tuyển sinh vào trường

5.1. Dân tộc Kinh

- Tuyển sinh không quá 5% tổng chỉ tiêu tuyển sinh được giao đối với dân tộc Kinh (đối với thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên ở vùng đặc biệt khó khăn);

- Xét theo điểm xét tuyển theo nguyên tắc từ cao xuống thấp của tất cả số dân tộc Kinh đủ điều kiện dự tuyển.

5.2. Đối với dân tộc thiểu số tại chỗ

- Xét tuyển 60% tổng chỉ tiêu tuyển sinh được giao dành cho dân tộc tại chỗ: Ê đê, M'Nông, Mạ (theo quy định tại công văn 386/SGDĐT-GDTrH ngày 6/4//2010).

- Xét theo điểm xét tuyển theo nguyên tắc từ điểm xét tuyển cao xuống thấp của tất cả



dân tộc tại chỗ đủ điều kiện dự tuyển.

5.3. Đối với dân tộc thiểu số khác

- Xét tuyển 35% tổng chỉ tiêu tuyển sinh được giao dành cho dân tộc thiểu số khác.
- Xét theo điểm xét tuyển theo nguyên tắc từ cao xuống thấp của tất cả dân tộc khác đủ điều kiện dự tuyển.

Lưu ý:

- Trường hợp đã xét hết số dân tộc tại chỗ nhưng không đủ số lượng 60% dân tộc tại chỗ thì Hội đồng tuyển sinh sẽ chuyển chỉ tiêu sang cho các dân tộc thiểu số khác và ngược lại.

6. Hồ sơ dự tuyển

- Phiếu đăng ký dự tuyển sinh vào lớp 10 (theo mẫu quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo)
- Giấy khai sinh (bản sao giấy khai sinh hoặc bản phô tô được công chứng).
- Bằng tốt nghiệp THCS hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời (bản chính hoặc bản phô tô được công chứng).
- Học bạ cấp Trung học cơ sở (bản chính).
- Bản sao Sổ hộ khẩu (là bản phô tô Sổ hộ khẩu được công chứng, hoặc bản phô tô kèm theo bản chính để đối chiếu).
- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).
- Bốn (04) ảnh 3cm x 4cm (ảnh chụp kiểu chân dung).

7. Tuyển bổ sung vào các lớp 11, 12

7.1. Chỉ tiêu tuyển bổ sung:

- Căn cứ tình hình số lượng học sinh đang học tại trường, số lượng học sinh chuyển trường, học sinh xin nghỉ học đi học nghề...năm học 2022-2023 nhà trường tuyển bổ sung cho đủ chỉ tiêu được giao.

- Chỉ tiêu tuyển bổ sung năm học 2022-2023 đối với khối lớp 11: 03 học sinh.

7.2. Đối tượng tuyển sinh

Là học sinh dân tộc thiểu số có thời gian cư trú ít nhất 3 năm trên địa bàn huyện Tuy Đức, đã hoàn thành chương trình lớp 10 năm học 2021-2022 đủ điều kiện xét lên lớp tại các trường trung học phổ thông.

7.3. Hồ sơ dự tuyển

- Hồ sơ đăng ký tuyển bổ sung (theo mẫu quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo, hồ sơ được phát hành tại trường PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức).

- Giấy khai sinh (bản sao giấy khai sinh hoặc bản phô tô được công chứng).
- Học bạ (bản chính).
- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

7.4. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển dựa trên cơ sở kết quả học tập và rèn luyện của học sinh trong năm học 2019-2020 kết hợp với chế độ ưu tiên theo Quyết định số 224/QĐ-SGDĐT ngày 23/4/2018 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông.

8. Thời gian thực hiện

- Phát hành hồ sơ: từ ngày 30/5/2022 đến hết ngày 10/6/2022
- Thu hồ sơ: từ ngày 13/6/2022 đến hết ngày 05/7/2022

Lưu ý: ngày 05/7/2022 là hạn chót thu nhận hồ sơ dự tuyển

- Niêm yết danh sách trúng tuyển và trả hồ sơ cho thí sinh không trúng tuyển: ngày 07/7/2022.

Trên đây là Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 và tuyển sinh bổ sung THPT năm học 2022-2023 của trường Phổ thông DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức trình Sở GDĐT xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (để duyệt KH);
- UBND huyện (báo cáo);
- HT, các PHT;
- Hội đồng tuyển sinh trường;
- Trang Website trường;
- PGD Tuy Đức, các trường THCS (p/h)
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Bàn Văn Chưởng

DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 32 /KH - PT DTNT

Tuy Đức, ngày 26 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022-2023

Căn cứ Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Chương trình Giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT;

Căn cứ Công văn 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023;

Căn cứ Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018; Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường;

Căn cứ Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 1366/SGDĐT-GDTrH-QLCL ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2022-2023;

I. Bối cảnh và định hướng xây dựng kế hoạch

1. Môi trường bên trong

1.1. Mặt mạnh

- Nhà trường có đủ số phòng học đảm bảo mỗi lớp có 01 phòng học riêng, có mạng internet, máy chiếu, bảng tương tác đa năng, ti vi.. thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học.

- Công tác quản lý chuyên môn của nhà trường có kế hoạch cụ thể theo từng

tháng, tuần, được tổ chức triển khai thực hiện, đánh giá rút kinh nghiệm kịp thời theo kỳ học, năm học (sơ kết; tổng kết). Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, tính công khai minh bạch được thể hiện rõ qua từng hoạt động.

- Tỷ lệ giáo viên/lớp đảm bảo theo quy định, tập thể giáo viên nhà trường nhiệt tình đoàn kết, tâm huyết với nghề, giáo viên thành thạo tin học, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học, trường đã có trang Website, có hộp thư do Bộ Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo cấp (moet.edu.vn và qlvb.daknong.gov.vn) nhằm liên hệ các thông tin với cơ quan chủ quản, các giáo viên đều có hộp thư cá nhân (mail và qlvb.daknong.gov.vn).

- Đa số học sinh của trường đều chăm ngoan, có ý thức học tập tốt, có chí tiến thủ, sống trong môi trường tập thể đã biết đoàn kết, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau trong sinh hoạt cũng như trong học tập.

- Cán bộ quản lý nhà trường công tác lâu năm có nhiều kinh nghiệm, biết tranh thủ sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo các cấp và tập hợp được các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, tạo lập được sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng.

1.2. Mặt hạn chế

- Một số giáo viên trẻ chưa có kinh nghiệm trong giảng dạy và quản lý lớp, quản lý học sinh ở nội trú, việc đổi mới phương pháp dạy học với đối tượng học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số còn lúng túng do học sinh thụ động.

- Phương pháp dạy học ở một bộ phận giáo viên chậm đổi mới, tính giáo dục toàn diện học sinh chưa cao, chỉ coi trọng việc dạy kiến thức, chưa quan tâm dạy kỹ năng sống cho học sinh.

- Chất lượng học không đạt chỉ tiêu đề ra từ đầu năm, lực học chưa đồng đều ở các lớp, tỷ lệ học sinh yếu, kém vẫn nhiều tập trung ở học sinh ở các lớp đầu cấp, ý thức học tập, tu dưỡng ở một bộ phận học sinh còn yếu chậm tiến bộ.

- Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác dạy và học còn thiếu như: phòng học bộ môn, phòng tin học, phòng thiết bị; thư viện. Thiếu trang thiết bị dạy học ngoại ngữ, máy vi tính.

2. Môi trường bên ngoài

2.1. Cơ hội

- Đảng và Nhà nước có chủ trương rõ ràng về việc chỉ đạo thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 đã được Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) thông qua

- Các Bộ, Ban, Ngành đều hiểu được sự cần thiết phải thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông để thay đổi vận mệnh và sự phát triển của quốc

gia. Từ đó đã có những phối hợp để có văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện các điều kiện như xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, chế độ tiền lương cho giáo viên, chế độ học sinh vùng khó khăn, người dân tộc.

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 là chương trình mở, tăng tính chủ động cho nhà trường.

- Sự phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin, cách mạng 4.0 và sự tuyên truyền của các cấp và nhà trường nên xã hội và phụ huynh học sinh nắm bắt được những lộ trình và các điều kiện cần có để đáp ứng thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông.

- Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cơ quan quản lý giáo dục, sự quan tâm chỉ đạo của đảng uỷ, chính quyền địa phương, sự hỗ trợ của các ban ngành đoàn thể, đặc biệt sự quan tâm phối kết hợp của các bậc cha mẹ học sinh.

- Nhân dân đồng bào dân tộc huyện Tuy Đức đã có những nhận thức sâu sắc về vấn đề học tập của con em mình, xác định động cơ học tập “Vì ngày mai lập nghiệp”. Học tập nhằm xóa đói, giảm nghèo trong tương lai.

- Đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện, ý thức đối với sự nghiệp giáo dục ngày càng cao, đại đa số các gia đình đều xác định đầu tư cho con em ăn học, là đầu tư cho tương lai.

2.2. Thách thức

- Là trường chuyên biệt nên cha mẹ học sinh còn ỷ lại, trông chờ vào nhà nước và các tổ chức xã hội. Công tác giáo dục phối hợp giữa: nhà trường-gia đình của một bộ phận cha (mẹ) ở vùng sâu, vùng xa chưa thật sự thường xuyên.

- Môi trường xã hội xung quanh ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng học tập của các em: Internet, trò chơi điện tử, thiếu sự kiểm soát chặt chẽ của các cơ quan chức năng, ảnh hưởng đến môi trường học tập.

- Văn hoá xã hội phát triển chưa đồng đều ở các thôn, bon, thanh thiếu niên thiếu điểm vui chơi tập thể, các tổ chức đoàn thể ở thôn bon hoạt động chưa thường xuyên nên chưa thu hút được học sinh.

3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

3.1. Quy mô số lớp, số học sinh toàn trường, cơ sở vật chất

- Năm học 2022-2023 nhà trường có 07 lớp học (4 lớp THCS và 3 lớp THPT) với tổng số 213 học sinh (THCS 120 học sinh; THPT 93 học sinh)

- Đảm bảo mỗi lớp có 01 phòng học riêng biệt, có đủ các trang thiết bị tối thiểu. Hệ thống phòng học bộ môn, thư viện, nhà đa năng đang đã được đầu tư xây dựng và đang hoàn thiện các thiết bị dạy học bên trong.

3.2. Định hướng thực hiện chương trình dạy học

- Khối lớp 6, 7 và khối lớp 10: thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018; Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022). Tổ chức dạy học 6 buổi/tuần.

- Khối lớp 8, 9 và 11, 12: thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành (Thông tư số 16/2006/TT-BGDĐT ngày 05/5/2006).

- Sử dụng đa dạng các hình thức tổ chức dạy học: dạy học trên lớp, ngoài lớp; dạy học theo chủ đề/chuyên đề; dạy học trải nghiệm, giáo dục STEM...

- Sử dụng các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong và ngoài nhà trường. Ngoài có 1 số tiết sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp lồng ghép tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, thì số tiết còn lại có thể sắp xếp để tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo các hình thức hoạt động giáo dục theo chủ đề và hoạt động câu lạc bộ với sự tham gia, phối hợp của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.

- Tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương: mỗi tuần 01 tiết, nội dung theo tài liệu giáo dục địa phương do UBND Tỉnh, Sở GDĐT biên soạn.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục mà nhà trường thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 bắt đầu từ năm học 2021-2022. Khi đó trong nhà trường sẽ có hai chương trình được giảng dạy: chương trình giáo dục phổ thông năm 2006 và chương trình giáo dục phổ thông 2018. Do đó cần tiến hành phân tích chương trình giáo dục, các môn học trong chương trình giáo dục, các môn học trong chương trình để xây dựng kế hoạch điều chỉnh nội dung dạy học của nhà trường.

II. Mục tiêu giáo dục của nhà trường

1. Mục tiêu chung

- Sau khi học xong cấp THCS, THPT học sinh có đủ phẩm chất và năng lực quy định tại chương trình giáo dục bậc học, học sinh biết điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề, học Đại học... hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

- Đến năm 2025 trường PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức đạt chuẩn kiểm định chất lượng và đạt trường chuẩn quốc gia, xây dựng môi trường giáo dục chuyên nghiệp, chất lượng, cảnh quan trường học đẹp, trở thành một trong những đơn vị về chất lượng giáo dục của tỉnh Đắk Nông.

2. Mục tiêu cụ thể

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 sẽ hình thành và phát triển cho học

sinh 5 phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- Chương trình cũng hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực cốt lõi bao gồm:

+ Những năng lực chung, được tất cả các môn học và hoạt động giáo dục góp phần hình thành, phát triển: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Những năng lực chuyên môn, được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định: năng lực ngôn ngữ, tính toán, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

- Tăng cường củng cố nền nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả công tác trong nhà trường. Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng của học sinh.

- Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

- Tiếp tục điều chỉnh nội dung dạy học trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo hướng tinh giản, tiếp cận định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực; đổi mới nội dung, phương thức đánh giá học sinh nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học, tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

- Tích cực đổi mới nội dung, phương thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn, sản xuất và kinh doanh; tiếp tục thực hiện mục tiêu phân luồng học sinh sau trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT).

- Tăng cường phân cấp quản lý, thực hiện quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục

III. Nội dung chương trình giáo dục nhà trường

1. Thời gian thực hiện chương trình

- Thực hiện Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; cụ thể: cả năm với 35 tuần thực học trong đó học kỳ I: 18 tuần, học kỳ II: 17 tuần.

- Nhà trường bố trí thời gian thực hiện chương trình bảo đảm tính khoa học,

sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh.

2. Tổ chức dạy học các môn học và hoạt động giáo dục

- Nhà trường tiến hành xây dựng khung chương trình cho các môn học và hoạt động giáo dục cụ thể, trong đó quy định tổng số tiết trong một năm học cho mỗi môn học, hoạt động giáo dục. Chủ động bố trí thời gian triển khai kế hoạch giáo dục các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học.

- Chương trình môn Lịch sử và Địa lí khối lớp 6, 7 bao gồm phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, mỗi phân môn được thiết kế theo mạch nội dung riêng, trên cơ sở đó nhà trường bố trí giáo viên có chuyên môn Lịch sử và Địa lý đảm nhận theo từng phân môn và tiến hành giảng dạy song song trong năm học.

- Chương trình môn Khoa học tự nhiên khối lớp 6, 7 bao gồm các chủ đề: Chất và sự biến đổi của chất, Vật sống, Năng lượng và sự biến đổi, Trái Đất và bầu trời. Các chủ đề được sắp xếp chủ yếu theo logic tuyến tính, có kết hợp ở mức độ nhất định với cấu trúc đồng tâm, đồng thời có một số chủ đề liên môn, tích hợp nhằm hình thành các nguyên lí, quy luật chung của thế giới tự nhiên. Trên cơ sở thực tiễn, nhà trường phân công giáo viên (Vật lý, Hóa học, Sinh học) dạy học các chủ đề phù hợp với năng lực chuyên môn của giáo viên.

- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp khối lớp 6, 7: Chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp bao gồm các nội dung hoạt động được tổ chức trong và ngoài nhà trường với các hình thức hoạt động chủ yếu là Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục theo chủ đề và Hoạt động câu lạc bộ. Bên cạnh đó nhà trường tổ chức dạy học trải nghiệm theo một số chủ đề từng tháng/năm học đảm bảo số tiết học theo quy định.

- Nội dung giáo dục địa phương khối lớp 6, 7: tổ chức dạy học chương trình giáo dục địa phương với thời lượng 01 tiết/tuần. Hình thức tổ chức dạy học là dạy học trên lớp, dạy học trải nghiệm. Nội dung giáo dục của địa phương bao gồm những vấn đề cơ bản về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của Đắk Nông. Căn cứ vào nội dung giáo dục của địa phương, nhà trường tiến hành phân công giáo viên dạy học các chủ đề phù hợp với năng lực của giáo viên.

- Tổ chức dạy học môn Tin học, Ngoại ngữ 1 đối với khối lớp 6, 7 thực hiện theo Chương trình GDPT 2018 đối với những học sinh có khả năng học tập và phù hợp với điều kiện tổ chức thực hiện của nhà trường.

- Chương trình môn Nghệ thuật khối lớp 6, 7 gồm 02 nội dung Âm nhạc, Mỹ thuật. Việc tổ chức dạy học tiến hành đồng thời các nội dung bảo đảm tương đương về thời lượng trong từng học kỳ.

- Đối với khối lớp 10 căn cứ vào đội ngũ cán bộ giáo viên, cơ sở vật chất và

điều kiện cụ thể, trường xây dựng 08 phương án tổ hợp sau cho học sinh lớp 10 lựa chọn.

+ Nhóm khoa học tự nhiên 1 (TN1) gồm: Môn học và hoạt động GD bắt buộc, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, chuyên đề môn Toán, Vật lý, Hóa học.

+ Nhóm khoa học tự nhiên 2 (TN2) gồm: Môn học và hoạt động GD bắt buộc, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý, chuyên đề môn Toán, Hóa học, Sinh học.

+ Nhóm khoa học tự nhiên 3 (TN3) gồm: Môn học và hoạt động GD bắt buộc, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, chuyên đề môn Toán, Vật lý, Tiếng Anh.

+ Khoa học xã hội 1 (XH1) gồm: Môn học và hoạt động GD bắt buộc, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Công nghệ, Tin học, chuyên đề môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý.

+ Khoa học xã hội 2 (XH2) gồm: Môn học và hoạt động GD bắt buộc, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Hóa học, Tin học, chuyên đề môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.

+ Khoa học xã hội 3 (XH3) gồm: Môn học và hoạt động GD bắt buộc, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Sinh học, Công nghệ, chuyên đề môn Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

+ Khoa học xã hội 4 (XH4) gồm: Môn học và hoạt động GD bắt buộc, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lý, Tin học, chuyên đề môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý.

+ Khoa học xã hội 5 (XH5) gồm: Môn học và hoạt động GD bắt buộc, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Hóa học, Tin học, chuyên đề môn Toán, Tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Đối với môn Ngữ văn, thực hiện tốt yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn theo hướng dẫn tại Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của BGDĐT (Công văn số 1184/SGDĐT-GDTrHQLCL ngày 27/7/2022 của Sở GDĐT) về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

3. Quy định số tiết dạy đối với các khối lớp

3.1. Quy định số tiết dạy đối với khối 10

TT	Môn học	Tổng số tiết/năm	Học kỳ I (18 tuần)	Học kỳ II (17 tuần)	Tổng số tiết/tuần
1	Toán	105	54	51	3
2	Ngữ văn	105	54	51	3
3	Tiếng anh	105	54	51	3
4	Lịch sử	52	1	2	1.5

5	Giáo dục thể chất	70	36	34	2
6	Giáo dục QP-AN	35	18	17	1
7	Địa lý	70	36	34	2
8	GDKT&PL	70	36	34	2
9	Vật lý	70	36	34	2
10	Hóa học	70	36	34	2
11	Sinh học	70	36	34	2
12	Công nghệ	70	36	34	2
13	Tin học	70	36	34	2
14	Chuyên đề (3 cụm CĐ)	105	54	51	3
15	HĐ trải nghiệm-HN	105	54	51	3
16	Nội dung GD địa phương	35	18	17	1

3.2. Quy định số tiết dạy đối với khối 11 và khối 12

TT	Môn học	Số tiết/tuần khối 11		Số tiết/tuần khối 11	
		Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I	Học kỳ II
1	Toán	4	4	3.5	3.5
2	Ngữ văn	4	4	3	3
3	Tiếng anh	3	3	3	3
4	Vật lý	2	2	2	2
5	Hóa học	2	2	2	2
6	Sinh học	1.5	1.5	1.5	1.5
7	Lịch sử	1	1	1	1
8	Địa lý	1	1	1	1
9	GDCD	1	1	1	1
10	Tin học	2	2	1.5	1.5
11	Thể dục	2	2	2	2
12	QPAN	1	1	1	1
13	Công nghệ	1.5	1.5	1	1
14	Tự chọn	4	4	4	4
15	HĐ NGLL	3 tiết/tháng			
16	HĐ Hướng nghiệp	1 tiết/tháng			
17	Nghề PT	3	3		

3.3. Quy định số tiết dạy đối với khối 6,7

TT	Môn học	Tổng số tiết/năm	Học kỳ I (18 tuần)	Học kỳ II (17 tuần)	Tổng số tiết/tuần
1	Ngữ văn	140	72	68	4
2	Toán	140	72	68	4
3	Ngoại ngữ 1	105	54	51	3

4	GDCD	35	18	17	1
5	Lịch sử và Địa lý	105	54	51	3
6	KHTN	140	72	68	4
7	Công nghệ	35	18	17	1
8	Tin học	35	18	17	1
9	GDTC	70	36	34	2
10	Nghệ thuật (AN, MT)	70	36	34	2
11	Trải nghiệm, hướng nghiệp	105	54	51	3
12	GD Địa phương	35	18	17	1

3.4. Quy định số tiết dạy đối với khối 8 và khối 9

TT	Môn học	Số tiết/tuần khối 8		Số tiết/tuần khối 9	
		Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ I	Học kỳ II
1	Ngữ văn	4	4	5	5
2	Lịch sử	2	1	1	2
3	Địa lý	1	2	2	1
4	GDCD	1	1	1	1
5	Tiếng anh	3	3	2	2
6	Âm nhạc	1	1	1	
7	Mĩ thuật	1	1	1	
8	Toán	4	4	4	4
9	Vật lý	1	1	2	2
10	Hóa học	2	2	2	2
11	Sinh học	2	2	2	2
12	Tin học	2	2	2	2
13	Thể dục	2	2	2	2
14	Công nghệ	1	1	1	1

4. Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá

4.1. Đối với khối lớp 6, 7 và khối lớp 10

- Thực hiện Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

+ Đối với môn Lịch sử và Địa lý: việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học theo từng phân môn. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng bao gồm nội dung phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí theo tỷ lệ phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học của mỗi phân môn đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

+ Đối với môn Khoa học tự nhiên: việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên

trong mỗi học kì được thực hiện trong quá trình dạy học môn học theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng gồm nội dung của các chủ đề đã thực hiện theo kế hoạch dạy học, bảo đảm tỷ lệ phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

+ Với Nội dung giáo dục của địa phương: Giáo viên dạy học chủ đề nào thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với chủ đề đó theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm nội dung các chủ đề đã dạy học đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

+ Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: giáo viên được phân công tổ chức hoạt động nào thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với hoạt động đó theo kế hoạch. Bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm nội dung các hoạt động đã thực hiện đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

+ Đối với môn Ngữ văn, thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của BGDĐT (Công văn số 1184/SGDĐT-GDTrHQLCL ngày 27/7/2022 của Sở GDĐT) về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông). Khuyến khích vận dụng kiểm tra, đánh giá theo Công văn này đối với khối lớp 11, lớp 12.

4.2. Đối với khối lớp 8, 9 và khối lớp 11, 12

Tổ chức kiểm tra đánh giá môn học theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT; Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/8/2020, của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, thi nghiên cứu khoa học kĩ thuật, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập

- Nội dung/chủ đề: Nội dung chủ đề phải phù hợp với môn học. Bám sát hướng dẫn chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi, thi nghiên cứu khoa học kĩ thuật hàng năm của Sở GDĐT. Xây dựng các chủ đề hỗ trợ phụ đạo học sinh yếu kém, học sinh gặp khó khăn trong học tập sao cho phù hợp với năng lực học sinh.

- Yêu cầu cần đạt:

Với học sinh giỏi phân đấu học sinh dự thi đạt giải trong kỳ thi HSG cấp huyện, tỉnh, đạt giải trong kỳ thi KHKT cấp tỉnh.

Với học sinh gặp khó khăn trong học tập nắm được cơ bản về kiến thức môn

học. Không có học sinh xếp loại văn hoá kém; Số lượng học sinh xếp loại yếu về văn hoá dưới 1%.

- + Thời lượng: thực hiện trái buổi (vào các buổi chiều)
- + Hình thức tổ chức: Tổ chức theo nhóm. Học tập ngoài thời gian học chính khóa.
- Tổ chức thực hiện
 - Các tổ, nhóm chuyên môn căn cứ vào nội dung, chương trình môn học để rà soát, lựa chọn các nội trọng tâm, phù hợp để xây dựng PPCT, nội dung bồi dưỡng, phụ đạo cho các môn học. PPCT, nội dung bồi dưỡng được lựa chọn, thống nhất vào đầu năm học và được đưa vào trong kế hoạch môn học.
 - Lịch, TKB bồi dưỡng, phụ đạo được nhà trường sắp xếp hàng tuần, từng đợt phù hợp với lịch chung và tình hình thực tế. Các giáo viên được phân công đảm nhiệm nghiêm túc thực hiện theo lịch đã ban hành.
 - Xây dựng và ổn định đội tuyển HSG trường sớm, có biện pháp bồi dưỡng có chất lượng ngay từ đầu để dự thi đạt kết quả cao và làm nguồn cho những năm sau.
 - Chỉ đạo tất cả các giáo viên rà soát học sinh yếu kém ở các lớp và có kế hoạch bồi dưỡng ngay từ đầu năm học, cùng với nhà trường tổ chức các lớp học phụ đạo cho học sinh yếu, kém. Trong các tiết lên lớp chú ý đến tất cả các đối tượng học sinh.

6. Triển khai giáo dục STEM

- Mỗi bộ môn Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin, Công nghệ xây dựng ít nhất 02 chủ đề dạy học theo hướng giáo dục STEM bám sát chương trình môn học cho một môn/khối lớp, theo đó các bài học, hoạt động giáo dục STEM được triển khai ngay trong quá trình dạy học các môn học thành phần theo tiếp cận liên môn và 01 chủ đề hoạt động trải nghiệm STEM tạo cơ hội cho học sinh được khám phá các thí nghiệm, ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong thực tiễn đời sống.
- Nội dung/chủ đề: Các tổ nhóm chuyên môn thảo luận, lựa chọn nội dung/chủ đề Dạy học theo hướng giáo dục Stem và Hoạt động trải nghiệm STEM. Nội dung/ chủ đề này phải được thể hiện cụ thể trong kế hoạch tổ chuyên môn.
- Thời lượng và hình thức tổ chức:
 - + Sử dụng thời lượng dạy học chính khóa trên lớp để thực hiện Dạy học theo hướng giáo dục STEM tối thiểu 03 tiết/lớp/môn.
 - + Sử dụng thời lượng hoạt động ngoại khóa để thực hiện Hoạt động trải nghiệm STEM: tối thiểu 01 buổi.
- Tổ chức thực hiện

+ Các tổ, nhóm chuyên môn xây dựng nội dung/ chủ đề, lên kế hoạch thực hiện chi tiết trong kế hoạch hoạt động tổ - nhóm chuyên môn.

+ Riêng Hoạt động trải nghiệm STEM có sự phối hợp giữa tổ, nhóm chuyên môn và các tổ chức trong và ngoài nhà trường dưới sự điều hành trực tiếp của lãnh đạo nhà trường

+ Các tổ, nhóm chuyên môn căn cứ vào chương trình môn học, tình hình thực tế của nhà trường, địa phương để rà soát, chọn chủ đề, nội dung phù hợp để xây dựng, thống nhất và thực hiện.

+ Tổ chức Ngày hội STEM nhằm tạo nên sân chơi khoa học, bổ ích, lý thú, khơi dậy niềm đam mê sáng tạo khoa học, công nghệ, góp phần nâng cao tinh thần hợp tác và các kỹ năng sống theo định hướng phát triển năng lực - kỹ năng cho học sinh.

7. Tổ chức hoạt động trải nghiệm, câu lạc bộ học tập

- Nội dung: Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm nhằm mở ra cơ hội để các em được khám phá, tự hình thành, củng cố kiến thức bài học, rèn luyện các kỹ năng và hình thành thái độ, hành vi đúng đắn. Riêng ở các bộ môn KHXH, tổ chức hoạt động trải nghiệm về các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn.

- Duy trì và phát triển các CLB học tập (CLB tiếng Anh, CLB Âm nhạc, CLB STEM...) qui tụ những học sinh cùng sở thích, nhu cầu, năng khiếu...có sự định hướng của thầy cô giáo, nhằm tạo môi trường giao lưu thân thiện, tích cực giữa các học sinh với nhau và giữa học sinh với các thầy cô giáo và những người trưởng thành khác.

- Thời lượng: Mỗi khối lớp được tham gia hoạt động trải nghiệm ít nhất 01 lần/ môn học. Các CLB hoạt động theo lịch hàng tuần.

- Hình thức tổ chức: Đa dạng hóa các hình thức, phù hợp với tình hình cụ thể của nhà trường trong từng thời điểm nhất định. Có thể tổ chức theo các hình thức như hoạt động tham quan dã ngoại, giao lưu, tổ chức sự kiện, diễn đàn, các cuộc thi...

- Tổ chức thực hiện: Các tổ/nhóm chuyên môn lên kế hoạch hoạt động trải nghiệm bộ môn, phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức hoạt động.

8. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao

- Căn cứ nội dung các hoạt động VHVN, TDTT. BCH Công đoàn, BCH Đoàn trường lên kế hoạch, dự trù kinh phí, lựa chọn nội dung, bố trí thời gian hợp lý để tổ chức và động viên CBGV, NV, học sinh toàn trường tích cực tham gia các phong trào VHVN-TDTT.

- BCH Công đoàn, BCH Đoàn trường đưa hoạt động VHVN- TDTT vào tiêu chí thi đua để động viên CBGV, NV và học sinh tham gia, làm căn cứ để xét thi đua danh hiệu tập thể, cá nhân vào dịp cuối năm học.

9. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

- Nội dung

+ Tiếp tục triển khai có hiệu quả các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa trong nhà trường theo Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ

+ Quán triệt đầy đủ các văn bản của cấp trên về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

+ Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về ngày Pháp luật Việt Nam (09/11/2021).

+ Tổ chức học tập, quán triệt các nội quy, quy định của nhà trường.

+ Thực hiện tốt nội dung, chương trình giảng dạy của bộ môn Giáo dục công dân, chú trọng việc tích hợp giảng dạy một số luật nhất là Luật khiếu nại, tố cáo và Luật phòng chống tham nhũng.

+ Tổ chức tuyên truyền phổ biến một số Luật như: Bộ luật hình sự; Bộ luật dân sự; Luật giáo dục; Luật giao thông đường bộ; Luật Phòng chống ma túy, các tệ nạn xã hội; Luật An ninh mạng; Luật bình đẳng giới; Luật phòng, chống bạo lực gia đình; Luật biển và hải đảo; Phòng chống bạo lực học đường; các quy định về PCCC, không sản xuất, sử dụng, buôn bán vận chuyển, tàng trữ pháo nổ, chất dễ cháy và các vật dụng nguy hiểm khác; phòng chống xâm hại trẻ em, tai nạn đuối nước thương tích...

- Hình thức tổ chức

+ Tổ chức giáo dục thông qua phát thanh tuyên truyền, bảng tin, băng rôn, khẩu hiệu.

+ Tổ chức học tập quán triệt thông qua chào cờ đầu tuần, sinh hoạt chủ nhiệm, học tập nội quy đầu năm học.

+ Giáo dục pháp luật thông qua tích hợp dạy học bộ môn Giáo dục công dân.

+ Phối hợp với Công an xã trong việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

+ Tổ chức giáo dục thông qua các hoạt động ngoại khóa cho học sinh.

+ Xây dựng tủ sách pháp luật cho học sinh đa dạng. Tuyên truyền để học sinh khai thác, sử dụng tài liệu tại thư viện trường.



+ Tổ chức và tham gia tốt các cuộc thi tìm hiểu, tuyên truyền về pháp luật do cấp trên tổ chức.

+ Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh ký cam kết không vi phạm pháp luật và các tệ nạn xã hội.

+ Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ lãnh đạo, báo cáo viên pháp luật do Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan chuyên môn khác tổ chức.

+ Kết hợp chặt chẽ giữa công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật với tăng cường kiểm tra việc thực hiện để kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn kịp thời các vi phạm pháp luật, đảm bảo an ninh trường học, trật tự an toàn xã hội.

- Tổ chức thực hiện.

+ Tổ tuyên truyền giáo dục pháp luật xây dựng kế hoạch cụ thể, thời gian thực hiện, nội dung giáo dục phù hợp. Phối hợp với các bộ phận trong nhà trường, Công an xã, Hội cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương triển khai có hiệu quả nội dung giáo dục. Phân công các thành viên triển khai, tổ chức các hoạt động ngoại khóa.

+ Giáo viên bộ môn Giáo dục công dân thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, chú trọng dạy tích hợp, liên hệ thực tế trong bài dạy để giáo dục học sinh.

+ Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa để giáo dục pháp luật cho học sinh.

+ Đối với Đoàn thanh niên làm tốt công tác phát thanh tuyên truyền, đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nhân ngày Pháp luật Việt Nam (9/11). Lên băng rôn khẩu hiệu. Triển khai có hiệu quả các cuộc thi tìm hiểu do cấp trên tổ chức.

10. Các chỉ tiêu phấn đấu

Về phía học sinh

- Chất lượng đại trà:

Chỉ tiêu	Hành kiểm				Học lực			
	Tốt	Khá	TB	Yếu	Giỏi	Khá	TB	Yếu-kém
Tỷ lệ %	99,0%		1,0%	0	5,0%	40,0%	49,0%	5,0%

- Tốt nghiệp 12: TN đạt 100%

+ Các môn: Toán, Ngữ văn tỷ lệ đạt điểm từ 5 trở lên: đạt 60% trở lên;

+ Môn Tiếng anh tỷ lệ đạt điểm từ 5 trở lên: đạt 20-30% trở lên

+ Nhóm môn tự chọn (Lý, Hóa, Sinh, LS, Địa, GD&ĐT): tỉ lệ đạt điểm từ 5 trở lên đạt 100%

+ Số lượng điểm 9, 10: đạt 04 em trở lên

- Chất lượng mũi nhọn:

Cấp huyện		Cấp tỉnh		Olympic khối		Thi KHKT	
SL tham gia	Đạt giải	SL tham gia	Đạt giải	SL tham gia	Đạt giải	SL dự án tham gia	Đạt giải
04	02	01	01	09	06	02	02

Về phía tập thể giáo viên, nhân viên

Tập thể:

- Nhà trường: Tập thể lao động xuất sắc;
- Chi bộ đạt: Trong sạch vững mạnh;
- Công đoàn cơ sở đạt danh hiệu: Vững mạnh;
- Giấy khen của Sở Giáo dục và Đào tạo cho tập thể: 02

Cá nhân:

- 100% GV, nhân viên được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- 19 đạt LĐTT; 03 đạt CSTĐCS; 01 CSTĐ tỉnh; 03 Giấy khen; 01 bằng khen của Bộ GD và ĐT; 01 bằng khen của UBND tỉnh.

VI. Giải pháp

1. Đổi mới công tác quản lý của nhà trường, tổ chuyên môn

- Đề cao tinh thần đổi mới và sáng tạo trong quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục. Tập trung đổi mới phong cách, nâng cao hiệu quả công tác quản lý theo hướng tăng cường phân cấp quản lý, thực hiện quyền tự chủ trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường, đơn vị và cá nhân có trách nhiệm giải trình việc thực hiện nhiệm vụ khi xã hội và cấp trên kiểm tra, giám sát.

- Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục của bậc học, nhiệm vụ của nhà trường, phù hợp vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và nguồn lực của nhà trường. Phát huy vai trò của hội đồng trường và các tổ chức đoàn thể trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển nhà trường

- Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục, thực hiện tốt kỉ cương, dân chủ cơ sở; Công khai minh bạch việc vận động tài trợ, các khoản thu trong nhà trường.

- Thực hiện đúng qui định, qui trình, điều kiện, tiêu chuẩn về bổ nhiệm.
- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ về triển khai các hoạt động chuyên môn (Xây dựng kế hoạch GD, thực hiện đổi mới PPDH, KTĐG; tổ chức các hoạt động trải nghiệm; triển khai dạy học gắn liền với thực tiễn; công tác lập và sử dụng các loại hồ sơ trong nhà trường)
- Thực hiện tinh giảm hồ sơ nhà trường và hồ sơ cá nhân
- Đẩy mạnh công tác truyền thông, làm tốt công tác thi đua, khen thưởng.
- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên ban giám hiệu phụ trách và chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng và cấp trên về nhiệm vụ được phân công.
- Tăng cường sử dụng phần mềm trong việc quản lý hoạt động dạy học của giáo viên, kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, sắp xếp thời khóa biểu, quản lý thư viện...

2. Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng đội ngũ

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, tập trung phát triển đội ngũ về năng lực xây dựng và thực hiện kế hoạch theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; năng lực ứng dụng công nghệ thông tin; năng lực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo; đổi mới sinh hoạt chuyên môn; nâng cao năng lực của giáo viên chủ nhiệm lớp.

Cụ thể là:

- Triển khai có hiệu quả công tác tập huấn tại các lớp do Sở GDĐT tổ chức, tại đơn vị về các nội dung theo hướng dẫn của Bộ, Sở, kế hoạch của nhà trường; chú trọng tập huấn về CT GDPT 2018, về đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực cho học sinh, về xây dựng nội dung giáo dục địa phương...

- Tập trung trao đổi, thảo luận, rút kinh nghiệm về xây dựng kế hoạch bài học (dạy học trong lớp và ngoài lớp), về cách thức tổ chức các hoạt động học cho học sinh; hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh...

- Chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học trong nhà trường để chuẩn bị cho việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới. Thực hiện tốt việc xét đề nghị thi thăng hạng và xếp lương theo hạng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đúng quy định.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tự bồi dưỡng, bồi dưỡng tại chỗ thông qua các hình thức trao đổi, rút kinh nghiệm nhóm chuyên môn và nhóm chuyên môn cụm trường, tập trung các nội dung: Xây dựng kế hoạch bài học; xây dựng chủ đề giáo dục STEM, xây dựng ngân hàng câu hỏi, bài tập theo các mức độ; tổ chức thi giáo

viên giỏi cấp trường, cụm trường,...

- Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý về chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của chuẩn Hiệu trưởng cơ sở GDPT và chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo hướng dẫn của Bộ và Sở. Tổ chức những hội thảo chuyên đề chuyên sâu về chuyên môn, về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, công tác chủ nhiệm lớp, công tác NCKH và đúc rút kinh nghiệm.

- Chủ động rà soát đội ngũ giáo viên tiếng Anh về mức độ đạt chuẩn, giao nhiệm vụ và tạo điều kiện để giáo viên tiếng Anh học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, tham gia khảo sát đánh giá năng lực đạt các chuẩn theo qui định của Bộ GDĐT, đảm bảo đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu để thực hiện chương trình tiếng Anh mới. Những giáo viên chưa đạt chuẩn năng lực tiếng Anh hoặc chưa được bồi dưỡng về phương pháp dạy tiếng Anh phải được bố trí đi học để đạt chuẩn trước khi phân công dạy học.

- Tăng cường dự giờ thăm lớp; tiếp tục thực hiện đánh giá, xếp loại giờ dạy giáo viên trung học theo Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ GDĐT và phiếu đánh giá giáo viên trung học của Sở GDĐT.

- Quán triệt, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên về các bản quy phạm pháp luật như Luật Giáo dục 2019, các Thông tư của ngành năm 2018, CT GDPT 2018.

- Tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp trường, cụm trường cấp THPT cùng với các trường THPT trên địa bàn.

3. Đẩy mạnh đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn

Bám sát công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng.

- Xây dựng chủ đề, chuyên đề

- Nghiên cứu bài học

- Sinh hoạt chuyên môn:

Các tổ, nhóm chuyên môn tổ chức sinh hoạt thường xuyên theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học: 2 tuần/lần. Nội dung chủ yếu là thảo luận, trao đổi các vấn đề chuyên môn, giảm bớt thời gian sinh hoạt hành chính.

Các tổ chuyên môn xây dựng hồ sơ tổ, nhóm theo chuẩn.

Đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động trong việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học. Khuyến khích các tổ

chuyên môn liên hệ với các tổ/nhóm chuyên môn của các trường bạn để tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường.

Tổ chức hoạt động nghiên cứu bài học, yêu cầu mỗi tổ/nhóm chuyên môn nghiên cứu được 4 tiết (chủ đề) trong năm học, chọn các tiết trong các chủ đề.

Xây dựng ma trận đề kiểm tra đặc tả cho các bài kiểm tra định kỳ theo hướng kiểm tra năng lực học sinh.

Xây dựng các chủ đề dạy học: Các tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, xây dựng các chủ đề dạy học trong mỗi môn học. Mỗi nhóm chuyên môn phân đầu xây dựng được 2 chủ đề/năm học. Khuyến khích các tổ/nhóm chuyên môn xây dựng chủ đề tích hợp, liên môn chú trọng nội dung giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường các hoạt động nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Thảo luận, xây dựng phương án dạy các bài khó, nhiều kiến thức, góp ý các giờ thao giảng, dự giờ.

4. Đẩy mạnh việc đổi mới PPDH, đổi mới KTĐG

a) Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh. Trong thực hiện đổi mới phương pháp dạy học cần lưu ý những nội dung sau đây:

- Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập, từ đó giúp học sinh tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức được sắp đặt sẵn. Giáo viên chọn và sử dụng linh hoạt các phương pháp, phương tiện và kỹ thuật dạy học để tổ chức, hướng dẫn học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập, qua đó phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của người học, hình thành và phát triển năng lực tự học.

- Khuyến khích giáo viên tự làm thiết bị dạy học, tăng cường sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học, ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin phù hợp với nội dung học và đối tượng học sinh. Giáo viên cần chú ý việc hướng dẫn học sinh tự học, dạy học phân hoá sát đối tượng, phù hợp với năng lực học sinh trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình GDPT.

- Giáo viên cần sử dụng hệ thống câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ học tập phù hợp với các đối tượng trong tiến trình dạy học; chú trọng rèn luyện cho học sinh những tri thức phương pháp để học sinh biết cách đọc sách giáo khoa, tài liệu, tự tìm lại những kiến thức đã có, suy luận để tìm tòi, phát hiện kiến thức mới, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết tình huống; chú ý giúp học sinh đảm bảo kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu trong đổi mới thi THPT quốc gia.

b) Đổi mới hình thức tổ chức dạy học

- Đa dạng hóa các hình thức dạy học. Ngoài việc tổ chức cho học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập ở trên lớp, cần coi trọng giao nhiệm vụ và hướng dẫn học sinh học tập ở nhà; tăng cường các hoạt động giáo dục trải nghiệm, tổ chức dạy học gắn liền với di sản văn hóa, với các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở địa phương; sử dụng các hình thức dạy học trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

- Khuyến khích tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và chương trình giáo dục, nhằm thúc đẩy học sinh hứng thú học tập, rèn luyện kỹ năng sống, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và văn hóa thế giới.

- Khuyến khích giáo viên, học sinh tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, tham gia Cuộc thi KHKT gắn liền với đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. Chuẩn bị các điều kiện để tổ chức thành công và tham gia dự thi đạt kết quả tốt Cuộc thi KHKT dành cho học sinh trung học cấp tỉnh.

c) Công tác đổi mới kiểm tra đánh giá

- 100% tổ nhóm chuyên môn và các giáo viên thực hiện đúng quy định về đánh giá, xếp loại học sinh THCS, THPT theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT; Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

- Các tổ, nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá cho từng môn, lớp, thống nhất khung thời gian có số lần điểm kiểm tra thường xuyên tối thiểu, hình thức cho các bài kiểm tra định kỳ (tự luận/ tự luận kết hợp trắc nghiệm khách quan)

- Tổ chức thi, kiểm tra chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu, đảm bảo thực chất, khách quan, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

- Các tổ/nhóm chuyên môn thảo luận, thống nhất ma trận đề kiểm tra cho các bài kiểm tra định kỳ. Căn cứ vào ma trận đề kiểm tra đã được tổ/nhóm chuyên môn xây dựng, giáo viên biên soạn đề kiểm tra cho từng lớp được phân công giảng dạy. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu: Nhận biết; Thông hiểu; Vận dụng; Vận dụng cao.

- Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình và tình hình thực tế của học sinh, các tổ nhóm chuyên môn xác định tỉ lệ cho từng mức độ trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ

lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ vận dụng, vận dụng cao. Tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương, đất nước đối với các môn khoa học xã hội và nhân văn để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội. Khi chấm bài kiểm tra phải có phần nhận xét, hướng dẫn, sửa sai, động viên sự cố gắng, tiến bộ của học sinh.

- Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu KHKT, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Giáo viên có thể sử dụng các hình thức đánh giá nói trên thay cho các bài kiểm tra hiện hành.

- Các hình thức kiểm tra, đánh giá đều hướng tới phát triển năng lực của học sinh, coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của học sinh. Việc kiểm tra, đánh giá không chỉ là việc xem học sinh học được cái gì mà quan trọng hơn là biết học sinh học như thế nào, có biết vận dụng không.

- Tăng cường tổ chức hoạt động đề xuất và lựa chọn, hoàn thiện các câu hỏi, bài tập kiểm tra theo định hướng phát triển năng lực để bổ sung cho thư viện câu hỏi của nhà trường. Tăng cường xây dựng nguồn học liệu mở (thư viện học liệu) về câu hỏi, bài tập, đề thi, kế hoạch bài học, tài liệu tham khảo có chất lượng trên trang mạng.

5. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Kiểm tra, rà soát thực trạng thiết bị dạy học (TBDH) để có kế hoạch sửa chữa và bổ sung kịp thời theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu đã ban hành theo Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 về Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở và Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông.

- Tăng cường bồi dưỡng năng lực cho viên chức làm công tác thiết bị dạy học; cử giáo viên kiêm nhiệm tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng phù hợp để đáp ứng yêu cầu công việc.

- Xây dựng hệ thống hồ sơ, sổ sách quản lý TBDH và PHBM đầy đủ, khoa học.

- Nâng cao chất lượng sử dụng PHBM, TBDH; đảm bảo 100% các bài học, nội dung bài học cần TBDH và PHBM đều được đáp ứng.

- Triển khai quy trình sử dụng TBDH, PHBM tới cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo công tác đăng kí, sử dụng TBDH, PHBM dễ dàng, thuận lợi.

- Định kỳ hàng tháng, học kỳ, Ban giám hiệu rà soát đánh giá hiệu quả sử

dụng TBDH, PHBM của cán bộ, giáo viên, nhân viên; coi việc sử dụng TBDH, PHBM của giáo viên là một trong những tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc.

- Đẩy mạnh phong trào cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh tự làm đồ dùng dạy học; tăng cường tổ chức các hội thi, cuộc thi sử dụng TBDH; phối hợp với các trường trung học, các trường chuyên nghiệp, các trung tâm nghiên cứu trên địa bàn trong công tác thiết bị dạy học.

Quan tâm đầu tư các điều kiện và tận dụng tối đa cơ sở vật chất nhà trường, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm giáo dục tình cảm, đạo đức, giáo dục thể chất, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh.

6. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học

Tất cả giáo viên sử dụng thành thạo các thiết bị CNTT vào dạy học. Có tối thiểu 04 tiết dạy có ứng dụng CNTT trong năm học.

Sử dụng các phần mềm quản lý trong tất cả các lĩnh vực quản lý nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, cải cách hành chính.

Các tổ chuyên môn thảo luận, bàn bạc phân công chuẩn bị các tiết dạy thử nghiệm bằng giáo án điện tử (Tối thiểu đảm bảo chỉ tiêu các tổ đã đăng ký từ đầu năm học).

Giao cho giáo viên Tin học tổ chức các lớp tập huấn ứng dụng CNTT vào dạy học.

Trang bị hệ thống các máy vi tính có kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho CB-GV khai thác dữ liệu dạy học.

D. Tổ chức thực hiện

1. Lãnh đạo nhà trường

- Xây dựng kế hoạch theo từng mảng nhiệm vụ được phân công phụ trách phù hợp với nhà trường và địa phương, gửi báo cáo về Sở GD&ĐT phê duyệt theo quy định;

- Bám sát kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện.

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của tổ, nhóm chuyên môn và giáo viên.

- Xét duyệt kế hoạch giáo dục của các tổ, nhóm chuyên môn;

- Tổng hợp các ý kiến góp ý của Sở GD&ĐT, cán bộ, giáo viên, hoàn thiện và ban hành chính thức văn bản kế hoạch giáo dục của nhà trường làm cơ sở để tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường một cách linh hoạt, khoa học, hợp lý, đặc biệt là thống nhất với kế hoạch chung của nhà trường.



2. Tổ chuyên môn, bộ phận văn phòng

- Tổ chuyên môn dựa vào kế hoạch giáo dục để xây dựng kế hoạch môn học cho phù hợp với nội dung bộ môn, thời lượng môn học và năng lực học sinh:

- + Xây dựng kế hoạch, PPCT môn học;
- + Góp ý cho kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- + Phân công giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục;

+ Chỉ đạo xây dựng kế hoạch cá nhân phù hợp với nhiệm vụ, kế hoạch của tổ và của nhà trường.

+ Kiểm tra, rà soát TBDH bộ môn, căn cứ tình hình thực tế để đề xuất mua bổ sung các TBDH cần thiết; đôn đốc giáo viên trong tổ sử dụng có hiệu quả.

+ Đăng ký và phân công giáo viên chuẩn bị và thực hiện các hoạt động chuyên môn ngay từ đầu năm học,

+ Đăng ký các danh hiệu thi đua, đề tài Sáng kiến

+ Đề ra các chỉ tiêu và giải pháp thực hiện.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ; tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ theo quy định của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học và các quy định khác hiện hành;

- Tăng cường việc theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong tổ. Mỗi tổ CM tổ chức tự kiểm tra về hồ sơ, việc thực hiện kế hoạch của giáo viên trong tổ ít nhất 04 lần; BCM kiểm tra 2 lần vào cuối học kỳ 1, cuối năm học. Hồ sơ tổ chuyên môn và hồ sơ cá nhân nộp và lưu tại VP tổ vào cuối năm học.

- Đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên.

- Bộ phận văn phòng chuẩn bị mọi điều kiện về văn phòng phẩm, thiết bị dạy học, cơ sở vật chất phục vụ cho dạy học một cách tốt nhất.

3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Bám sát kế hoạch giáo dục, kế hoạch môn học để thực hiện hiệu quả. Khi có vướng mắc cần báo cáo và đề xuất phương án điều chỉnh để đạt kết quả cao nhất.

- Xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục căn cứ trên kế hoạch của nhà trường và kế hoạch của tổ;

- Dạy học và giáo dục theo chương trình, kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học của nhà trường theo chế độ làm việc của giáo viên do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường

tổ chức; tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giáo dục; tham gia nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng;

- Rèn luyện đạo đức, học tập văn hoá, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học và giáo dục; vận dụng các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo, rèn luyện phương pháp tự học của học sinh;

- Thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ do nhà trường, tổ chuyên môn phân công;

- Thực hiện tốt kỷ luật lao động và quy chế chuyên môn.

- Chuẩn bị và thực hiện có hiệu quả nội dung đổi mới chuyên môn đã đăng ký hoặc được phân công.

- Thực hiện nghiêm túc KH chuyên môn của nhà trường, của tổ CM;

- Chuẩn bị đầy đủ các loại hồ sơ chuyên môn, hồ sơ công tác kiêm nhiệm theo quy định;

- Thực hiện Điều lệ nhà trường; thực hiện quyết định của Hiệu trưởng, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục;

- Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo, gương mẫu trước học sinh; thương yêu, tôn trọng học sinh, đối xử công bằng với học sinh, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; tạo dựng môi trường học tập và làm việc dân chủ, thân thiện, hợp tác, an toàn và lành mạnh;

- Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, các giáo viên khác, gia đình học sinh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong dạy học và giáo dục học sinh;

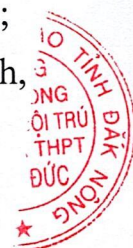
4. Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

a) Công đoàn

Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; ký kết phối hợp giữa Chính quyền với Công đoàn, tạo điều kiện để tổ chức Công đoàn phát huy nhiệm vụ chính trị; xây dựng phong trào thi đua, phát hiện và bồi dưỡng các cá nhân điển hình; Làm tốt công tác giáo dục đoàn viên, tăng cường động viên đoàn viên công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ; Thực hiện tốt các hoạt động thăm hỏi, động viên công đoàn

b) Đoàn Thanh niên

- Thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục truyền thống, giáo dục đạo đức, chú trọng truyền cảm lòng nhiệt huyết cho tuổi trẻ; Tăng cường công tác quản lý nề nếp, giáo dục đoàn viên thanh niên học sinh, phát huy tính sáng tạo, năng động của tuổi trẻ; Tổ chức các hoạt động bổ ích, thu hút đoàn viên thanh niên tham gia, qua đó tăng cường rèn luyện kỹ năng sống; Tập trung tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục học sinh thực hiện tốt phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh



tích cực”.

- Kết hợp với Phó hiệu trưởng và các bộ phận xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

- Tổ chức tất cả các hoạt động ngoài giờ lên lớp tổ chức tại nhà trường.

- Thành lập, quản lí hoạt động đội cờ đỏ để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.

- Xây dựng tiêu chí thi đua của đoàn trường.

- Đối với chi đoàn giáo viên: Tổ chức tốt các hoạt động hỗ trợ giảng dạy cho giáo viên và học tập cho học sinh. Duy trì hoạt động các Câu lạc bộ. Tiếp tục tổ chức hội thảo chuyên môn cho giáo viên toàn trường.

5. Đối với ban đại diện cha mẹ học sinh

Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Ban đại diện CMHS hoạt động, thường xuyên lắng nghe ý kiến từ phụ huynh để điều chỉnh quá trình triển khai nhiệm vụ.

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2022-2023 của trường PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- Hiệu trưởng (c/đạo);
- Các PHT, TTCM; GV (t/hiện)
- Lưu: VT.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Lam

DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỞNG

Bàn Văn Lăng

Số: 19 /BC - PT DTNT

Tuy Đức, ngày 27 tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM HỌC 2021-2022

Thực hiện Công văn số 1407/SGDDĐT-GDTrH-QLCL ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2021-2022; Công văn số 684/SGDDĐT-GDTrH-QLCL ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông về việc hướng dẫn tổng kết năm học 2021-2022.

Trường PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2021-2022 như sau:

I. Việc phát triển mạng lưới trường, lớp; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia

1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh, giáo viên

Trường PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức có quy mô trong năm học 2021-2022 có 07 lớp trong đó có 01 lớp 6, 01 lớp 7, 01 lớp 8, 01 lớp 9, 01 lớp 10, 01 lớp 11, 01 lớp 12.

Với tổng số học sinh: 187 học sinh. Trong đó: khối THCS là 105 em, khối THPT là 82 em.

Về phía đội ngũ CB-GV-NV: tổng số CB-GV-NV là 26 người, trong đó: Nữ: 18; DT thiểu số: 04, Đảng viên: 05.

2. Công tác xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia

2.1. Kết quả đạt được/so sánh với năm học 2020-2021

Nhà trường đang nỗ lực đề nghị các cấp hữu quan để hoàn thiện cơ sở vật chất theo đúng tiến độ đã được UBND tỉnh phê duyệt. Trước mắt đã sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất sẵn có: khu học tập, khu ký túc xá, khu nhà ăn, khu hiệu bộ.

Về các TBDH thí nghiệm, thực hành phục vụ hoạt động dạy và học hiện tại nhà trường còn thiếu, thiếu các phòng chức năng, phòng bộ môn phục vụ cho hoạt động trên. Bước đầu chỉ đạo giáo viên tiến hành tự làm đồ dùng dạy học để phục vụ cho việc dạy và học đồng thời khắc phục sự thiếu thốn về CSVN, TBDH.

Năm học 2021-2022, nhà trường đã được Sở Giáo dục và Đào tạo đầu tư xây dựng nhà đa năng, phòng học bộ môn, thư viện. Dự kiến sẽ đưa vào sử dụng từ năm học 2022-2023.

Chất lượng giáo dục hai mặt được nâng lên, chất lượng mũi nhọn so với năm học trước từng bước được nâng lên. Trong Lãnh đạo nhà trường có phân công nhiệm vụ cụ thể về công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia.

2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Hệ thống Sân chơi bãi tập chưa đúng chuẩn...Thiếu các trang thiết bị dạy học như: máy vi tính, đồ dùng dạy học tối thiểu, các đầu sách báo cung cấp cho thư viện...hiện tại các cơ sở vật chất bên trong các phòng học bộ môn vẫn chưa được trang bị.

Một số trang thiết bị không đúng chuẩn: như bàn ghế học sinh... Các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa-văn nghệ cho học sinh ở nội trú như: hệ thống âm thanh loa đài còn chưa đáp ứng được...hệ thống cây xanh của nhà trường chưa thực sự xanh-sạch-đẹp.

Chất lượng giáo dục vẫn còn thấp so với chất lượng chung của toàn tỉnh, số học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi vẫn còn khá khiêm tốn

Nguyên nhân: thiếu thôn về tài chính, dịch bệnh Covid-19, sự thiếu quan tâm của một bộ phận Phụ huynh học sinh.

II. Kết quả nâng cao chất lượng giáo dục trung học

1. Kết quả đánh giá hạnh kiểm, học lực học sinh trung học (so sánh tỉ lệ học sinh đạt hạnh kiểm tốt năm học 2020-2021)

Kết quả trong năm học 2021-2022 toàn trường có 179 học sinh đạt hạnh kiểm tốt khá đạt tỉ lệ 95,72%, có 07 học sinh được xếp loại Giỏi về học tập chiếm tỉ lệ 3,74%, có 71 học sinh đạt loại khá chiếm tỉ lệ 37,97%, tỉ lệ học sinh yếu là 10,16% với 19 học sinh.

Riêng khối lớp 6 về kết quả học tập tỷ lệ Đạt chiếm tỷ lệ 63,33%, Khá chiếm tỷ lệ 26,67, chưa đạt chiếm tỷ lệ 10%. Kết quả rèn luyện Tốt chiếm tỷ lệ 66,67%; Khá đạt tỷ lệ 30,0%; Đạt chiếm tỷ lệ 3,33%.

So với năm học 2020-2021, tỷ lệ hạnh kiểm, học lực của học sinh được nâng lên rõ rệt. Kết quả các kỳ thi khác cũng có những tiến bộ hơn so với các năm học trước.

2. Tình hình và kết quả công tác chỉ đạo, tổ chức và quản lý hoạt động chuyên môn trong trường trung học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh

Năm học 2021-2022 nhà trường đã chỉ đạo đổi mới triệt để hơn nữa công tác sinh hoạt tổ chuyên môn trong đó giành thời gian sinh hoạt tổ nghe báo cáo kế hoạch, thảo luận các tình huống nảy sinh trong dạy học. Các sáng kiến đổi mới phương pháp dạy học...Công tác thao giảng, dự giờ, đánh giá giờ dạy thực hiện nghiêm túc theo công văn 112/SGDDĐT-GDTrH ngày 26/01/2016 về việc hướng dẫn đánh giá, xếp loại giờ dạy (hướng dẫn xếp loại mới với 12 tiêu chí).

Tiếp tục chỉ đạo các tổ chuyên môn rà soát nội dung dạy học trong sách giáo khoa hiện hành, tinh giản những nội dung dạy học vượt quá mức độ cần đạt về

kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; điều chỉnh để tránh trùng lặp nội dung giữa các môn học, hoạt động giáo dục; bổ sung, cập nhật những thông tin mới phù hợp thay cho những thông tin cũ, lạc hậu.

Các tổ chuyên môn lựa chọn các chủ đề, rà soát nội dung các bài học trong sách giáo khoa hiện hành tương ứng với chủ đề đó để sắp xếp lại thành một số bài học tích hợp của từng môn học hoặc liên môn; từ đó, xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị.

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn giáo viên về hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; xây dựng kế hoạch bài học theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học.

Xây dựng Kế hoạch kiểm tra định kỳ với phương pháp, hình thức kiểm tra, xây dựng ma trận đề và bảng đặc tả trong đó: phần trắc nghiệm 70% (nằm ở mức độ nhận biết và thông hiểu). Phần tự luận 30% (nằm ở mức độ vận dụng và vận dụng cao).

Triển khai thực hiện có hiệu quả Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Công tác dạy học trực tuyến thực hiện nghiêm theo đúng kế hoạch, tuy nhiên chất lượng các tiết dạy và sự tiếp cận của học sinh còn nhiều bất cập do hạn chế về năng lực và cơ sở vật chất. Công tác đổi mới phương pháp của giáo viên còn chậm, các hoạt động giáo dục trong nhà trường chưa thực sự sôi nổi, chất lượng do tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp cản trở quá trình thực hiện.

3. Tình hình và kết quả triển khai giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề phổ thông và công tác phân luồng học sinh

Hoạt động hướng nghiệp thời lượng hoạt động giáo dục hướng nghiệp được bố trí 9 tiết/năm học. Chú trọng việc tư vấn lựa chọn nghề nghiệp cho học sinh trung học phổ thông; đặc biệt chú trọng tích hợp nội dung khởi nghiệp vào Chương trình Giáo dục hướng nghiệp hiện hành. Chú trọng việc tư vấn lựa chọn nghề nghiệp cho học sinh trung học phổ thông theo Quyết định 1094/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Trong năm học 2021-2022 nhà trường đã tiến hành triển khai công tác dạy nghề cho học sinh khối lớp 11. Thời lượng 03 tiết/tuần, do tình hình thực tiễn của nhà trường và địa phương vì vậy nhà trường bố trí giáo viên dạy môn Sinh học dạy kiêm nhiệm và áp dụng dạy bộ môn Làm vườn.

100% học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS, trong đó một số tiếp tục học lên cấp THPT còn một số đi học nghề. Làm tốt công tác tư vấn chọn trường, phối kết hợp với các trường ĐH, CĐ để tư vấn, hướng nghiệp, chọn nghề

cho học sinh khối 12.

Tuy nhiên, công tác triển khai giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề phổ thông và công tác phân luồng học sinh còn lúng túng và còn nhiều vướng mắc do khó khăn về tài chính, dịch bệnh covid-19 và thiếu đội ngũ giáo viên có chuyên môn nghiệp vụ.

4. Tổ chức dạy và học ngoại ngữ trong đơn vị

Năm học 2021-2022 nhà trường nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch số 631/KH-UBND ngày 29/11/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018-2025.

Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực giáo viên về trình độ tiếng Anh và phương pháp giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm.

Tiếp tục triển khai hoạt động sử dụng tiếng Anh trong sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn giáo viên tiếng Anh theo Công văn số 1485/SGDDĐT-GDTrH ngày 17/8/2017 của Sở GDĐT về việc sử dụng tiếng Anh trong sinh hoạt tổ chuyên môn ngoại ngữ các trường phổ thông.

Tham gia tích cực các cuộc thi về Tiếng anh, cụ thể: Cuộc thi Tìm hiểu công viên địa chất Đắk Nông đạt 4 giải, trong đó có 01 giải Ba và 03 giải khuyến khích; Cuộc thi Hùng biện Tiếng anh cấp THPT Đạt 04 giải Khuyến khích; Cấp THCS đạt giải Nhì toàn tỉnh (trong đó có 04 giải Ba và 03 giải Khuyến khích).

Năm học 2021-2022 hoạt động sử dụng Tiếng anh trong sinh hoạt chuyên môn, giao tiếp của giáo viên và học sinh chưa được thường xuyên, liên tục, nguyên nhân số lượng đội ngũ giáo viên là hạn chế, tình hình dịch bệnh phức tạp...

5. Thực hiện Giáo dục STEM; thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (NGLL), hoạt động ngoại khóa chuyển mạnh sang hướng hoạt động trải nghiệm; tăng cường tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục kỹ năng sống; kỹ năng khởi nghiệp

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch STEM trong năm học 2021-2022 nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vị trí, vai trò và ý nghĩa của giáo dục STEM trong trường trung học.

Thông nhất nội dung, phương pháp và các hình thức tổ chức thực hiện giáo dục STEM trong nhà trường; Tăng cường áp dụng giáo dục STEM trong giáo dục trung học nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và giáo viên về việc tổ chức, quản lý, xây dựng và thực hiện dạy học theo phương thức giáo dục STEM.

Hoạt động NGLL thực hiện đầy đủ các chủ đề qui định cho mỗi tháng, với thời lượng 2 tiết/tháng/lớp và tích hợp nội dung Hoạt động ngoài giờ lên lớp vào môn Giáo dục công dân.

Chỉ đạo tổ quản lý nội trú hướng dẫn học sinh thực hiện tốt nội quy khu nội trú, nội quy phòng ở, quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường; xây dựng lối sống văn minh, thanh lịch của học sinh dân tộc nội trú; hướng dẫn học sinh phương

pháp tự học; tăng cường giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh với các nội dung thiết thực, phù hợp tâm lý, sinh lý lứa tuổi và đặc điểm văn hóa dân tộc thiểu số; tổ chức nơi ăn, ở của học sinh sạch sẽ, gọn gàng, hợp vệ sinh; phối hợp với các cơ sở y tế của địa phương chăm sóc sức khỏe cho học sinh, chủ động, tích cực phòng chống dịch bệnh.

6. Quản lý việc dạy thêm học thêm; chấn chỉnh việc lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường

Nhà trường là đơn vị chuyên biệt có nhiệm vụ “nuôi-dạy” học sinh là con em của đồng bào các dân tộc thiểu số đóng chân trên địa bàn huyện Tuy Đức. Trên cơ sở đó nhà trường không tổ chức dạy thêm học thêm.

Theo sự chỉ đạo sát sao của Sở Giáo dục và Đào tạo, năm học 2021-2022 nhà trường triệt để tổ chức dạy 2 buổi/ngày. Chuyên môn nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể như sau: Buổi thứ nhất: học theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục quy định. Học không quá 4 tiết/1 buổi học. Buổi thứ hai: học thêm một số môn theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ quy định: Thể dục, Âm nhạc, Tin học, Mỹ thuật. Tăng thời lượng giảng dạy ở các môn: Ngữ văn, Tiếng anh, Vật lý, Hóa học, Sinh học.

Hệ thống hồ sơ sổ sách thực hiện nghiêm theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chỉ thị 138/CT-BGDĐT 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường.

III. Công tác triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới

1. Việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông lớp 6 và chuẩn bị triển khai chương trình lớp 7 và lớp 10

Về khung chương trình các môn học và HĐGD đối với khối lớp 6: thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.

Về khung chương trình các môn học và HĐGD đối với khối lớp 7 đến khối lớp 12 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành (Thông tư số 16/2006/TT-BGDĐT ngày 05/5/2006)

Công tác triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2021-2022 còn khó khăn về cơ sở vật chất, thiết bị và thiếu đội ngũ giáo viên. Việc triển khai thực hiện chương trình phổ thông 2018 (đối với khối lớp 6) còn nhiều khó khăn vướng mắc. Các hoạt động giáo dục trong nhà trường chưa thực sự sôi nổi, chất lượng do tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp cản trở quá trình thực hiện.

2. Công tác đổi mới quản lý việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục theo hướng phân cấp, giao quyền tự chủ

Căn cứ Hướng dẫn số 4040/BGDĐT-GDTrH ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT cấp THCS, THPT ứng phó với dịch Covid-19 năm học 2021-2022, nhà trường đã chủ động chỉ

TAO
ING
HONG
VOI TR
THPT
DUC
ONG

đạo các tổ chuyên môn rà soát, đối chiếu, xây dựng, hoàn thiện kế hoạch giáo dục của môn học và tổ chuyên môn theo hướng dẫn thực hiện chương trình cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chủ động xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2021-2022 đối với khối lớp 6 và đối với khối lớp 7 đến khối lớp 12, chỉ đạo các tổ chuyên môn và giáo viên nghiêm túc thực hiện theo Kế hoạch đã xây dựng.

3. Việc bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Nhà trường xây dựng Kế hoạch, đảm bảo 100% cán bộ quản lý, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng và hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi bắt đầu triển khai áp dụng chương trình giáo dục phổ thông 2018;

Đến thời điểm kết thúc năm học 2021-2022, có 02/02 CBQL cán bộ quản lý bồi dưỡng đạt kết quả hoàn thành bồi dưỡng các Module giành cho cán bộ quản lý; 16/16 giáo viên đã hoàn thành Modul theo quy định. Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn do Sở, Bộ tổ chức về việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

4. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, vệ sinh đời mới cơ chế quản lý chuyên môn

Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, vệ sinh, có tính tham gia và dân chủ, thực hiện tốt nội quy khu nội trú, nội quy phòng ở, quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường; Xây dựng lối sống văn minh, thanh lịch của học sinh dân tộc nội trú.

Chú trọng tăng cường chất lượng các tiết thao giảng, dự giờ; đổi mới việc sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng trao đổi, thảo luận về các chủ đề, nội dung giảng dạy, rút kinh nghiệm, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc gặp phải khi giảng dạy, theo đúng công văn 5555/BDGĐT-GDTrH, ngày 08/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tăng cường điều kiện đảm bảo và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy ở trên lớp đặc biệt là trong giai đoạn dịch Covid-19 có diễn biến phức tạp.

IV. Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý

1. Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý

Triển khai có hiệu quả công tác tập huấn tại các lớp do Sở GDĐT tổ chức, tại đơn vị về các nội dung theo hướng dẫn của Bộ, Sở, kế hoạch của nhà trường; Chú trọng tập huấn về Chương trình phổ thông 2018, về đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực cho học sinh, về xây dựng nội dung giáo dục địa phương...

Tập trung trao đổi, thảo luận, rút kinh nghiệm về xây dựng kế hoạch bài học (dạy học trong lớp và ngoài lớp), về cách thức tổ chức các hoạt động học cho học

sinh; hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh...

Bám sát công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng.

Các tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, xây dựng các chủ đề dạy học trong mỗi môn học. Mỗi nhóm chuyên môn phân đầu xây dựng được 2 chủ đề/năm học. Khuyến khích các tổ/nhóm chuyên môn xây dựng chủ đề tích hợp, liên môn chú trọng nội dung giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường các hoạt động nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2. Giải pháp tăng cường hiệu quả quản lý đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý

Chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học trong nhà trường để chuẩn bị cho việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới. Thực hiện tốt việc xét đề nghị thi thăng hạng và xếp lương theo hạng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đúng quy định.

Đẩy mạnh hơn nữa công tác tự bồi dưỡng, bồi dưỡng tại chỗ thông qua các hình thức trao đổi, rút kinh nghiệm nhóm chuyên môn và nhóm chuyên môn cụm trường, tập trung các nội dung: Xây dựng kế hoạch bài học; xây dựng chủ đề giáo dục STEM, xây dựng ngân hàng câu hỏi, bài tập theo các mức độ; tổ chức thi giáo viên giỏi cấp trường.

Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý về chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của chuẩn Hiệu trưởng cơ sở GDPT và chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo hướng dẫn của Bộ và Sở. Tổ chức những hội thảo chuyên đề chuyên sâu về chuyên môn, về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, công tác chủ nhiệm lớp, công tác nghiên cứu khoa học và đúc rút các sáng kiến.

Chủ động rà soát đội ngũ giáo viên tiếng Anh về mức độ đạt chuẩn, giao nhiệm vụ và tạo điều kiện để giáo viên tiếng Anh học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, tham gia khảo sát đánh giá năng lực đạt các chuẩn theo qui định của Bộ GDĐT

V. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý

Tất cả giáo viên sử dụng thành thạo các thiết bị CNTT vào dạy học. Có tối thiểu 04 tiết dạy có ứng dụng CNTT trong năm học. Sử dụng các phần mềm quản lý trong tất cả các lĩnh vực quản lý nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, cải cách hành chính.

Giao cho giáo viên Tin học tổ chức các lớp tập huấn ứng dụng CNTT vào dạy học. Trang bị hệ thống các máy vi tính có kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho CB-GV khai thác dữ liệu dạy học.

Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức hội thảo, tập huấn, họp trao đổi công tác qua internet. Xây dựng trang Website và khai thác sử dụng hệ thống phần mềm dạy và học hiệu quả, tăng cường chất lượng phần mềm quản lý thi, xét tốt nghiệp và tuyển sinh đầu cấp.

VI. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

Lãnh đạo nhà trường đã phát huy được quyền làm chủ tập thể của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị, nhờ đó đã tạo ra được khối đoàn kết nhất trí cao trong đội ngũ.

Có nhiều biện pháp tích cực, sáng tạo góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra như: phát huy trí tuệ của tập thể, đặc biệt là đội ngũ cốt cán để xây dựng kế hoạch, xác định các giải pháp; tranh thủ sự ủng hộ của tất cả các lượng bên trong và ngoài nhà trường...

Chất lượng giáo dục đại trà có chuyển biến đáng kể so với cùng kỳ năm học vừa qua.

Đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2021-2022 theo đúng sự chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo trong bối cảnh dịch Covid-19 phức tạp.

2. Tồn tại

Chất lượng giáo dục học sinh giỏi không đạt yêu cầu, theo chỉ tiêu xây dựng đối với cấp THCS và THPT.

- Phòng học bộ môn vẫn chưa đi vào hoạt động, dẫn đến việc học tập học sinh các môn tự nhiên còn nặng lý thuyết. Hệ thống Sân chơi bãi tập chưa đúng chuẩn...Thiếu các trang thiết bị dạy học như: máy vi tính, đồ dùng dạy học tối thiểu, các đầu sách báo cung cấp cho thư viện...

Một số trang thiết bị không đúng chuẩn: như bàn ghế học sinh... Các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa-văn nghệ cho học sinh ở nội trú như: hệ thống âm thanh loa đài còn chưa đáp ứng được...hệ thống cây xanh của nhà trường chưa thực sự xanh-sạch-đẹp.

Trên đây là báo cáo tổng kết năm học 2021-2022 của trường PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Bàn Văn Chánh

Số: 01 /KH-PT DTNT

Tuy Đức, ngày 01 tháng 01 năm 2021

KẾ HOẠCH
Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 – 2025

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Nghị quyết số -NQ/ĐH ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Tuy Đức lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 – 2025; Nghị quyết Đại hội chi bộ PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức khóa IV, nhiệm kỳ 2020-2025.

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, trường PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức, xây dựng kế hoạch xây dựng trường chuẩn Quốc gia giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia là yêu cầu tất yếu khách quan của sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo, là điều kiện quan trọng để nâng cao dân trí, chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; hội nhập giáo dục khu vực và quốc tế. Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia là giải pháp quan trọng thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2025; là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các cấp uỷ đảng, chính quyền, nhân dân các địa phương và các cấp quản lý giáo dục; Đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao về hưởng thụ giáo dục của xã hội; công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia phải tích hợp, lồng ghép các chương trình, mục tiêu gắn với lộ trình xây dựng nông thôn mới và sự phát triển của địa phương huyện Tuy Đức, nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

2. Mục tiêu

Đánh giá đúng thực trạng, từ đó có giải pháp thực hiện hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế nhà trường, địa phương, đảm bảo tiến độ đề ra; Phấn đấu đến năm 2025 hoàn thành công tác kiểm định chất lượng giáo dục, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá ngoài, công nhận trường đạt chuẩn chất lượng mức độ 2 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

II. NHIỆM VỤ

1. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

1.1. Thuận lợi

Đã có chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia qua các Thông tư, chỉ thị, nghị quyết của Bộ GD&ĐT và của địa phương. Đội ngũ giáo viên được tuyển chọn có năng lực và tay nghề cao.

Đã có kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia của Huyện Tuy Đức. Nhà trường được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền huyện Tuy Đức, sự chỉ đạo sâu sát của Sở GD&ĐT Tỉnh Đắk Nông.

Được sự đồng tình ủng hộ của đông đảo phụ huynh HS và nhân dân trên địa bàn. Một số tiêu chuẩn, tiêu chí đã hoàn thành, những tiêu chí chưa đạt tiếp tục được củng cố, hoàn thiện.

1.2. Khó khăn

Cơ sở vật chất hầu hết các khu dạy học, hành chính qua hơn 10 năm chưa được duy tu bảo dưỡng, trang thiết bị dạy học còn thiếu nhiều,

Số lượng đội ngũ giáo viên giảng dạy còn thiếu theo biên chế lớp.

2. Đánh giá thực trạng nhà trường theo các tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn quốc gia

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		x		
Tiêu chí 1.2		x		
Tiêu chí 1.3		x		
Tiêu chí 1.4		x		
Tiêu chí 1.5		x		
Tiêu chí 1.6		x		
Tiêu chí 1.7		x		
Tiêu chí 1.8		x		

Tiêu chí 1.9		x		
Tiêu chí 1.10		x		
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 1.1		x		
Tiêu chí 2.2	x			
Tiêu chí 2.3		x		
Tiêu chí 2.4		x		
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1	x			
Tiêu chí 3.2	x	x		
Tiêu chí 3.3		x		
Tiêu chí 3.4		x		
Tiêu chí 3.5	x			
Tiêu chí 3.6	x			
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x		
Tiêu chí 4.2		x		
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x		
Tiêu chí 5.2		x		
Tiêu chí 5.3		x		
Tiêu chí 5.4		x		
Tiêu chí 5.5		x		
Tiêu chí 5.6	x			

Kết quả: Không đạt Mức 1.

III. Kế hoạch thực hiện theo lộ trình:

1. Năm học 2021 – 2022

- Chi bộ Đảng chỉ đạo tốt đại hội các tổ chức trong nhà trường, trong đó chú ý nhất là công tác nhân sự để Đại hội bầu ra được Ban chấp hành đủ năng lực, nhiệt huyết; bồi dưỡng cán bộ đoàn để tổ chức Đoàn hoạt động hiệu quả hơn.

- Tham mưu với Sở giáo dục và đào tạo cấp đầy đủ trang thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.

- Vận động tài trợ trong xã hội, phụ huynh và các thế hệ học sinh cũ để xây dựng thư viện phục vụ tốt nguyện vọng khai thác tài liệu cho giáo viên và học sinh.

- Trồng thêm cây xanh cho khuôn viên nhà trường và tăng cường hơn nữa công tác chăm sóc bồn hoa cây cảnh; tích cực vận động tài trợ để đảm bảo việc cải tạo, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy học.

- Lập kế hoạch báo cáo Sở GD&ĐT Đắk Nông, UBND huyện Tuy Đức xin chủ trương và kêu gọi đầu tư xây dựng đủ các phòng học.

- Đề xuất tài trợ xây dựng thêm 01 dãy nhà vệ sinh dành cho học sinh. Lập kế hoạch báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện Tuy Đức xin chủ trương và kêu gọi đầu tư xây dựng các phòng học bộ môn đảm bảo

2. Năm học 2022 – 2023

- Rà soát xây dựng kế hoạch đề xuất điều động, biệt phái về đối với môn thiếu giáo viên. Tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ trên chuẩn.

- Bổ sung, kiện toàn các tổ chức đoàn thể sau đại hội công đoàn; đại hội Đoàn để đảm bảo hoạt động có hiệu quả

- Nhà trường có kế hoạch tài chính để mua sắm thiết bị, hoá chất để các phòng bộ môn tham mưu cung cấp đầy đủ trang thiết bị theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch tạo nguồn tài chính để nâng cấp sân trường, tăng cường trang thiết bị sân chơi bãi tập. Tiếp tục vận động tài trợ trong xã hội, phụ huynh và các thế hệ học sinh cũ để hoàn thiện xây dựng thư viện phục vụ tốt nguyện vọng khai thác tài liệu cho giáo viên và học sinh.

3. Năm học 2023 – 2024

- Rà soát đội ngũ CBGV, tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ trên chuẩn..

- Tổ chức tự đánh giá, đề xuất công nhận thư viên đạt chuẩn và đề xuất đánh giá ngoài.

4. Năm học 2024 – 2025

Tập trung các điều kiện tốt nhất để đoàn đánh giá ngoài hoàn thành việc đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường

- Duy trì hoạt động có hiệu quả các hoạt động trong nhà trường. Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng để nâng cao vị trí, uy tín của nhà trường.

- Nhà trường có kế hoạch tạo điều kiện để mua sắm thiết bị, hoá chất để các phòng bộ môn được cung cấp đầy đủ trang thiết bị theo quy định. Tiếp tục vận động tài trợ trong xã hội, phụ huynh và các thế hệ học sinh cũ để xây dựng thư viện số phục vụ tốt nguyện vọng khai thác tài liệu cho giáo viên và học sinh.

IV. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về công tác chỉ đạo, tuyên truyền

1.1. Công tác chỉ đạo

- Chi bộ xây dựng Nghị quyết chỉ đạo thực hiện và xây dựng chuyên đề giám sát việc thực hiện công tác Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường Chuẩn quốc gia đối với lãnh đạo nhà trường. Hàng năm đưa công tác kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ chính trị này gắn liền với trách nhiệm của người đứng đầu, lãnh đạo đơn vị.

- Hội đồng trường phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường, xây dựng các quyết sách về thực hiện công tác Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường Chuẩn quốc gia, giám sát việc thực hiện của Ban giám hiệu.

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý trong giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phát huy vai trò người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục, đào tạo, tăng cường dân chủ, công khai trong cơ sở giáo dục. Tăng cường công tác tự chủ tài chính đối với các trường xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

- Ban giám hiệu xây dựng và thực hiện Kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn về Kiểm định chất lượng giáo dục; quyết liệt trong việc thực hiện Nghị quyết của Chi bộ về thực hiện nhiệm vụ Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường Chuẩn quốc gia, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng trường. Ban giám hiệu chỉ đạo Hội đồng tự đánh giá định kỳ hàng năm rà soát, đánh giá lại các tiêu chí về kiểm định, đối chiếu thực trạng năm 2021 với các năm rà soát để đánh giá cụ thể mức độ được cải tiến theo lộ trình kế hoạch.

1.2. Công tác tuyên truyền

Tiếp tục quán triệt đầy đủ Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 về kiểm định chất lượng, công nhận đạt chuẩn quốc gia với trường THCS, THPT, Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư Số: 38/2021/TT-

TÁC
ĐỊNH
HỘI
NỘI
VÀ T
UY Đ
★

BGDĐT, ngày 30/12/2021 của bộ GD&ĐT về Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh; công khai kết quả đánh giá hiện tại và kế hoạch xây dựng trong những năm tới theo lộ trình kế hoạch.

Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt để toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh biết được làm công tác Kiểm định chất lượng giáo dục là để nâng cao chất lượng giáo dục và đây là nhiệm vụ của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh.

Làm tốt công tác xã hội hóa để huy động được nhiều hơn nguồn nhân lực, vật lực trong việc thực hiện nâng cao các tiêu chuẩn, tiêu chí về Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường Chuẩn quốc gia.

1.3. Giải pháp cụ thể triển khai thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn để đạt mức 2,3 kiểm định chất lượng giáo dục và mức 1 đối với trường đạt chuẩn quốc gia:

- Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.

Từ năm học 2021 – 2022, Hiệu trưởng tiếp tục rà soát nắm bắt năng lực của nhân viên để phân công phù hợp từ đó phát huy hết trí tuệ và sở trường của từng nhân viên. Xây dựng kế hoạch bố trí kiêm nhiệm vị trí nhân viên còn thiếu tham mưu đủ số nhân viên hoặc hợp đồng dài hạn cho những vị trí này theo quy định tại thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/07/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập.

Tiếp tục tham mưu với các cơ quan, ban ngành có thẩm quyền để thực hiện dự án xây dựng nhà đa năng và nhà học bộ môn. Xây dựng kế hoạch mua sắm CSVC, lắp đặt hệ thống internet cho tất cả máy tính phòng tin học. Cải tạo bổ sung dụng cụ, tại sân học thể dục xây dựng hồ nhảy cao, sân cầu lông, sân bóng đá, làm đường chạy.

- Tiêu chí 3.3: Khối hành chính – quản trị.

Tiếp tục báo cáo, đề xuất với sở Giáo dục và các cơ quan quản lý cấp trên và kêu gọi đầu tư nguồn kinh phí để bổ sung trang thiết bị trong khối hành chính – quản trị và xây dựng phòng làm việc riêng đảm bảo theo quy hoạch chung.

- Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.

Nhà trường tiếp tục hợp đồng nhân viên kiêm phụ trách công trình vệ sinh để đảm bảo vệ sinh môi trường. Rà soát việc thực hiện kế hoạch thu gom, xử lý và phân loại rác để bổ sung, điều chỉnh kế hoạch cho những năm học tiếp theo; Xây dựng kế hoạch đề nghị các cấp có thẩm quyền đầu tư xây dựng đủ các nhà vệ sinh phục vụ giáo viên, học sinh của nhà trường.

- Tiêu chí 3.5: Thiết bị.

Tham mưu cấp trên trang bị đầy đủ trang thiết bị dạy học tối thiểu để phục vụ công tác dạy học. Nhà trường có kế hoạch tạo điều kiện để mua sắm thiết bị, hoá chất để các phòng bộ môn được cung cấp đầy đủ trang thiết bị theo quy định. Khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, quản lý, khai thác, sử dụng tốt đồ dùng dạy học đạt hiệu quả.

- Tiêu chí 3.6: Thư viện.

Tham mưu cấp trên, kêu gọi sự đầu tư, hỗ trợ của toàn xã hội để xây dựng thư viện nhà trường đạt chuẩn. Hàng năm, thư viện tiếp tục bổ sung kịp thời nguồn tài liệu mới góp phần cải tiến chất lượng dạy học trong nhà trường; Đẩy mạnh phong trào phát triển văn hóa đọc “Mỗi tuần một cuốn sách”. Đưa vào thời khóa biểu 1 tiết/tuần/lớp để tạo thói quen và xây dựng văn hóa đọc cho học sinh.

2. Giải pháp về chính sách

Hội đồng trường cần có những quyết nghị về chính sách, Ban giám hiệu cần thực hiện đầy đủ về chính sách tiết kiệm nhiệm và có chế độ phụ cấp cho các thành viên Hội đồng tự đánh giá.

Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ tập trung nguồn lực động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên có nhiều đổi mới, sáng tạo trong hoạt động quản trị nhà trường, hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường; khen thưởng học sinh có thành tích cao trong mọi hoạt động.

Tiếp tục thực hiện tốt cơ chế hỗ trợ cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tập huấn, bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ. Xây dựng chính sách thu hút các học sinh có năng lực tuyển sinh vào nhà trường; kêu gọi các nguồn tài trợ hỗ trợ các học sinh giỏi, học sinh năng khiếu tham gia các kỳ thi từ cấp tỉnh trở lên.

Xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để kêu gọi đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học nâng cao chất lượng trường Chuẩn quốc gia.

3. Giải pháp về kiểm tra, giám sát.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản hướng dẫn của sở GD&ĐT và UBND huyện Tuy Đức, trong các hoạt động giáo dục của nhà trường; xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm phù hợp với thực tiễn của nhà trường.

Tăng cường kiểm tra giám sát của Chi bộ, Hội đồng trường trong thực hiện các Nghị quyết của Chi bộ, quyết nghị của Hội đồng trường trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban giám hiệu về công tác Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường Chuẩn quốc gia.

Tăng cường công tác kiểm tra của Ban giám hiệu đối với thực hiện nhiệm vụ của tất cả các tổ chức, cá nhân trong nhà trường. Thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra nội bộ đã được xây dựng hàng năm; phát huy vai trò của Ban thanh tra nhân dân trong

việc kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của các tập thể, cá nhân để giải quyết kịp thời, không ảnh hưởng đến kỷ cương, nề nếp và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tăng cường giám sát của Ban đại diện CMHS trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ban giám hiệu nhà trường xây dựng kế hoạch, triển khai đầy đủ nội dung kế hoạch tới tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh toàn trường.

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, Hội cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch chi tiết cụ thể từng nội dung, từng năm để tổ chức triển khai thực hiện đúng lộ trình, đạt hiệu quả cao nhất.

Tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên gắn với nhiệm vụ được giao thực hiện tốt các nội dung của kế hoạch đã xây dựng.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Ủy ban nhân dân Huyện

Đảm bảo kế hoạch xây dựng, đầu tư cơ sở vật chất cho trường để đạt Chuẩn quốc gia; Tạo điều kiện để trường có nguồn vốn đầu tư trong việc nâng cao chất lượng về cơ sở vật chất, đặc biệt là xây dựng nhà đa năng, nhà học bộ môn, bổ sung thiết bị dạy học.

2.Sở Giáo dục và Đào tạo:

Tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng trường PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức, đạt Chuẩn quốc gia; hướng dẫn, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra việc triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định

Tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho các đơn vị, cá nhân thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Giám sát, chỉ đạo trường thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng để không ngừng duy trì và nâng cao chất lượng. Trên cơ sở đó, tham mưu với UBND Huyện tăng cường đầu tư kinh phí để xây dựng mới cơ sở vật chất cho các nhà trường.

3. Ủy ban nhân dân thị trấn

Cân đối từ ngân sách địa phương, huy động các nguồn hợp pháp khác để xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng theo yêu cầu của trường đạt chuẩn; triển khai có hiệu quả công tác xã hội hoá giáo dục, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các lực lượng xã hội tham gia đóng góp xây dựng trường đạt chuẩn.

Trên đây là Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025 của trường PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức. Nhà trường kính mong nhận

được sự quan tâm của các cấp, các ngành có thẩm quyền giúp đỡ để nhà trường đạt chuẩn Quốc gia theo đúng kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- UBND huyện (báo cáo);
- HT, các PHT; GV (t/hiện)
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Bàn Văn Chưởng

TRƯỜNG DÂN TỘC NỘI TRÚ

Số: 44a/KH-PT DTNT

Tuy Đức, ngày 14 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH
Tự đánh giá, năm học 2022-2023

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Kế hoạch 461/KH-UBND ngày 30/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về kiểm định chất lượng giáo dục năm 2019 và các năm tiếp theo;

Căn cứ Công văn số 677/SGDĐT-GDTrH-QLCL ngày 01/6/2020 về việc hướng dẫn thực hiện công tác KĐCLGD năm 2020 và các năm tiếp theo; Công văn số 1593/SGDĐT-GDTrH-QLCL ngày 06/10/2022 về việc hướng dẫn nhiệm vụ Quản lý chất lượng năm học 2022-2023.

I. Mục đích tự đánh giá

- Xác định nhà trường đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; góp phần để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

- Tham mưu cấp trên đầu tư và đồng thời huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

II. Phạm vi tự đánh giá

Nhà trường triển khai hoạt động tự đánh giá được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

III. Công cụ tự đánh giá

- Công cụ tự đánh giá là tiêu chuẩn đánh giá trường trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng



Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Công văn số 5932/BGDDT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá được Hiệu trưởng trường PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức ra Quyết định thành lập.

Hội đồng gồm có 13 thành viên:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong Hội đồng
1	Bàn Văn Thắng	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Văn Lam	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Nguyễn Đình Huỳnh Lương	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
4	Lương Văn Giải	Thư ký Hội đồng	Thư ký
5	Trương Vĩnh Lại	Tổ trưởng	Ủy viên
6	Bùi Thị Huế	Giáo viên	Ủy viên
7	Vũ Tiến Dũng	Bí thư Đoàn TNCS HCM	Ủy viên
8	Trương Thị Ngọc Diệp	Phó BT Đoàn TNCS HCM	Ủy viên
9	Nguyễn Thị Hồng Thơm	Giáo viên	Ủy viên
10	Lê Thị Ái Nhi	Giáo viên	Ủy viên
11	Châu Thị Kim Loan	Phó Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên
12	Ngô Thị Nguyệt	Nhân viên	Ủy viên
13	Trần Thị Song Phương	Nhân viên	Ủy viên

2. Nhóm thư ký và các nhóm công tác

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Văn Lam	Phó hiệu trưởng	Trưởng nhóm

2	Lương Văn Giới	Thư ký HĐGD	Thư ký tổng hợp
3	Trương Vĩnh Lại	Tổ trưởng tổ KHTN	Thư ký tổng hợp
4	Vũ Tiến Dũng	BT Đoàn TNCSHCM	Thư ký tổng hợp

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký:

- Tổng hợp, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.
- Sắp xếp, mã hóa các minh chứng.
- Tham mưu lập tờ trình đề nghị cấp trên thành lập đoàn đánh giá ngoài.

b) Các nhóm công tác, cá nhân: *(Phân công phụ trách chuyên trách)*

TT	Tiêu chí	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Ghi chú
1	1.1 – 1.10	Bàn Văn Thắng, Lương Văn Giới	
2	2.1 – 2.4	Nguyễn Văn Lam, Lê Thị Ái Nhi	
3	3.1 – 3.6	Trương Vĩnh Lại, Châu Thị Kim Loan, Trần Thị Song Phương	
4	4.1 – 4.2	Nguyễn Đình Huỳnh Lương, Vũ Tiến Dũng, Trương Thị Ngọc Diệp	
5	5.1 – 5.6	Bùi Thị Huế, Nguyễn Thị Hồng Thơm, Ngô Thị Nguyệt	

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: tháng 10/2022.

2. Thành phần: toàn thể Hội đồng tự đánh giá theo Quyết định

3. Nội dung, chương trình tập huấn

- Phổ biến Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hướng dẫn công tác tự đánh giá theo Hướng dẫn 5932/BGDĐT-QLCL, ngày 28/12/2018, của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) và thời điểm cần huy động/cung cấp



- Thực hiện tự đánh giá ở Mức 1, Mức 2 và Mức 3.
- Nội dung tiêu chuẩn, tiêu chí và các chỉ báo theo Quy định về kiểm định chất lượng ban hành kèm theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018. *(Phụ lục đính kèm)*
- Thời điểm cần huy động: Từ tháng 2/2023 đến tháng 4/2023

VII. Lập bảng mã danh mục minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

VIII. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tháng 10, 11/2022	- Họp lãnh đạo nhà trường để thảo luận dự kiến các thành viên Hội đồng TĐG và các vấn đề liên quan đến triển khai hoạt động TĐG. - Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG. - Họp Hội đồng TĐG để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng TĐG; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân; - Dự kiến tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá (tháng 10/2022); - Dự thảo và ban hành Kế hoạch TĐG. - Phổ biến Kế hoạch TĐG đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và các bên liên quan. - Tổ chức hội thảo/tập huấn/hội nghị về nghiệp vụ TĐG cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường; - Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí.
Tháng 11, 12/2022	- Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện: - Xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí - Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. - Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng. - Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí.
Tháng 01/2023	Họp hội đồng TĐG để: - Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được,

	những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG (nếu có); - Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG; - Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí (trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng); - Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có);
Tháng 02/2023	- Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG và các nội dung liên quan ; - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo TĐG; - Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung; - Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường; - Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG; - Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG sau khi có các ý kiến góp ý; - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.
Tháng 03/2023	Họp Hội đồng TĐG đề: - Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG và các nội dung liên quan ; - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo TĐG; - Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung; - Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường; - Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG; - Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG sau khi có các ý kiến góp ý; - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.
Tháng 04/2023	Họp Hội đồng tự đánh giá đề: - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo tự đánh giá; - Thông qua báo cáo tự đánh giá đã chỉnh sửa, bổ sung; - Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường; - Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo tự đánh giá; - Bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá sau khi có các ý kiến góp ý; - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng (nếu có).
Tháng 05/2023	Công bố báo cáo tự đánh giá; báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo

1 ĐẮK N

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ban chỉ đạo Hội đồng tự đánh giá tăng cường chỉ đạo các nhóm, cá nhân theo nhiệm vụ đã được phân công tự đánh giá chất lượng giáo dục.

Hội đồng tự đánh giá và cải tiến chất lượng triển khai công việc với tinh thần trách nhiệm cao theo thời gian biểu đề ra; dựa vào văn bản quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, rà soát, đối chiếu từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ với thực tế của nhà trường. Qua đó, các nhóm nghiêm túc đánh giá một cách khách quan và bàn bạc thống nhất đi đến kết luận tiêu chí nào đạt, tiêu chí nào chưa đạt, đề xuất kế hoạch cải tiến chất lượng.

Các cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường tham gia tích cực trong mọi khâu của quá trình hoạt động của Hội đồng tự đánh giá, nếu cần điều động phải chấp hành nghiêm túc.

Kế hoạch có thể điều chỉnh tùy theo điều kiện thực tế của nhà trường khi có kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông và những công việc quan trọng khác./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để b/cáo);
- HĐ tự đánh giá (để thực hiện);
- Các TTCM, CTCĐ, BT; PBTĐT;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Bàn Văn Chưởng

Số: 22 /KH - PT DTNT

Tuy Đức, ngày 25 tháng 7 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện 3 công khai, năm học 2022-2023

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, Trường PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức xây dựng Kế hoạch thực hiện 3 công khai năm học 2022-2023 như sau:

I- Mục tiêu thực hiện công khai

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. Nội dung thực hiện

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Biểu mẫu 09).

b) Chất lượng giáo dục thực tế

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được công nhận xét tốt nghiệp THCS, THPT (Biểu mẫu 10).

c) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia

Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.



d) Kiểm định chất lượng giáo dục nhà trường:

Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

a) Cơ sở vật chất

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (*Biểu mẫu 11*).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo. (*Biểu mẫu 12*).

3. Công khai thu chi tài chính

a) Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

III. Hình thức và thời điểm công khai

a. Hình thức

- Niêm yết công khai tại bảng thông tin của nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp, Hội nghị Ban đại diện CMHS, Hội nghị cán bộ công chức.
- Công khai tại bảng thông báo và trang Website của nhà trường tại địa chỉ <http://ptdntttuyduc.daknong.edu.vn/>

b. Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 7 hàng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

IV. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

+ Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường (trang Website)

Trên đây là kế hoạch thực hiện công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2022 -2023 của Trường PT DTNT THCS và THPT huyện Tuy Đức .

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (báo cáo);
- TTCM; GV (t/hiện)
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Bàn Văn Chưởng



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG PT DTNT
THCS VÀ THPT HUYỆN TUY ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của THCS và THPT năm học 2022-2023

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp						
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Hoàn thành CT TH	Hoàn thành CT L6	Hoàn thành CT L7	Hoàn thành CT L8	Hoàn thành CT THCS	Hoàn thành CT L10	Hoàn thành CT L11
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình nhà trường xây dựng theo hướng dẫn của Sở GDĐT dựa trên Chương trình của Bộ GD và ĐT						
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình Học sinh học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động						
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Học sinh được tham gia vào các hoạt động giáo dục, trải nghiệm, ngoại khóa theo Kế hoạch giáo dục của nhà trường						
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Năng lực: tự học, tự giải quyết vấn đề, sáng tạo, thẩm mỹ, thể chất, giao tiếp, hợp tác, tính toán, CNTT và truyền thông Phẩm chất: sống yêu thương, sống tự chủ, sống trách nhiệm Học tập: duy trì kết quả đạt được năm trước đồng thời nâng cao chất lượng học tập của các em. Sức khỏe: tốt						
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100% học sinh có khả năng học tập tiếp tục						

Tuy Đức, ngày 28 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Bàn Văn Chưởng

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của nhà trường năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm (rèn luyện)	187	30	24	27	24	27	31	24
1	Tốt	133	20	17	16	17	13	26	24.00
	(tỷ lệ so với tổng số)	71.12	66.67	70.83	59.26	70.83	48.15	83.87	100
2	Khá	45	9	6	7	5	13	5	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	24.06	30.00	25.00	25.93	20.83	48.15	16.13	0.00
3	Trung bình (Đạt)	8	1	0	4	2	1	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	4.28	3.33	0.00	14.81	8.33	3.70	0.00	0.00
4	Yếu (chưa đạt)	1	0	1	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.53	0.00	4.17	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
II	Số học sinh chia theo học lực (KQ học tập)	187	30	24	27	24	27	31	24
1	Giỏi (Tốt)	7	0	0	0	3	1	2	1
	(tỷ lệ so với tổng số)	3.74	0.00	0.00	0.00	12.50	3.70	6.45	4.17
2	Khá	71	8	9	6	6	10	15	17
	(tỷ lệ so với tổng số)	37.97	26.67	37.50	22.22	25.00	37.04	48.39	70.83
3	Trung bình (Đạt)	104	19	14	20	15	16	14	6
	(tỷ lệ so với tổng số)	55.61	63.33	58.33	74.07	62.50	59.26	45.16	25.00
4	Yếu (chưa đạt)	5	3	1	1	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	2.67	10.00	4.17	3.70	0.00	0.00	0.00	0.00
5	Kém	0		0	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	187	30	24	27	24	27	31	24
1	Lên lớp	182	27	23	26	24	27	31	24
	(tỷ lệ so với tổng số)	97.33	90.00	95.83	96.30	100.00	100.00	100.00	100.00
a	Học sinh giỏi	7	0	0	0	3	1	2	1
	(tỷ lệ so với tổng số)	3.74	0.00	0.00	0.00	12.50	3.70	6.45	4.17
b	Học sinh tiên tiến	71	8	9	6	6	10	15	17
	(tỷ lệ so với tổng số)	37.97	26.67	37.50	22.22	25.00	37.04	48.39	70.83
2	Thi lại	12	8	0	0	0	3	1	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	6.42	26.67	0.00	0.00	0.00	11.11	3.23	0.00
3	Lưu ban	5	3	1	1	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	2.67	10.00	4.17	3.70	0.00	0.00	0.00	0.00
4	Chuyển trường đến/đi	0	0	0	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
5	Bị đuổi học	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0	0	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	1	0	0	0	1	0	0	0
1	Cấp huyện	0							
2	Cấp tỉnh/thành phố	1				1			
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0							
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	48				24			24
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp cả hai hệ	47				24			23
1	Giỏi	4				3			1
	(tỷ lệ so với tổng số)	8.51				12.50			4.35
2	Khá	23				6			17
	(tỷ lệ so với tổng số)	48.94				25.00			73.91
3	Trung bình	21				15			6
	(Tỷ lệ so với tổng số)	44.68				62.50			26.09
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	4							4
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ		6/24	4/20	13/17	13/14	6/21	5/26	9/15
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	178	30	23	25	22	26	29	23

Tuy Đức, ngày 26 tháng 7 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Bàn Văn Lăng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG PT DTNT THCS VÀ THPT HUYỆN TUY ĐỨC

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
năm học 2022-2023

STT	Nội dung	SL	Bình quân	Ghi chú
I	Số phòng học	7	Số m ² /học sinh	
II	Loại phòng học		-	
1	Phòng học kiên cố	7	1.5	
2	Phòng học bán kiên cố	7	1.5	
3	Phòng học tạm	0	-	
4	Phòng học nhờ	0	-	
5	Số phòng học bộ môn	7	-	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-	
7	Bình quân lớp/phòng học	7/7	-	
8	Bình quân học sinh/lớp	30	-	
III	Số điểm trường	1	-	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	26653,9		
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2000		
VI	Tổng diện tích các phòng	383		
1	Diện tích phòng học (m ²)	54,7		
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	60		
3	Diện tích thư viện (m ²)	140,2		
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	200		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	13,3		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	7	7 bộ/7lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	7	7/7lớp	
1.1	Khối lớp 6	1	1/1lớp	
1.2	Khối lớp 7	1	1/1lớp	
1.3	Khối lớp 8	1	1/1lớp	
1.4	Khối lớp 9	1	1/1lớp	
1.5	Khối lớp 10	1	1/1lớp	
1.6	Khối lớp 11	1	1/1lớp	
1.7	Khối lớp 12	1	1/1lớp	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định			
2.1	Khối lớp 6			
2.2	Khối lớp 7			
2.3	Khối lớp 8			
2.4	Khối lớp 9			
2.5	Khối lớp 10			
2.6	Khối lớp 11			



2.7	Khối lớp 12			
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	10	Số học sinh/bộ	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi	1		
2	Cát xét	1		
3	Đầu Video/đầu đĩa			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4		
5	Đàn			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi	7	1 cái/lớp	
2	Cát xét	2		
3	Đầu Video/đầu đĩa			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4		
5	Đàn			
6	Máy tính	16		
	Nội dung		Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp	1		
XI	Nhà ăn	1		
XII	Khu nội trú	26		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho	
			Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*			2; 2

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X
XVII	Kết nối internet	X
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X
XIX	Tường rào xây	X

Tuy Đức, ngày 28 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Bàn Văn Chưởng

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	TS GV, CBQL, NV	27	0	2	20	1	5	0	16	0	0	0	18	0	0
	Giáo viên	16	0	2	14	0	0	0	16	0	0	0	16	0	0
I	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	2			2				2				2		
2	Lý	1			1				1				1		
3	Hóa	1			1				1				1		
4	Sinh	2		1	1				2				2		
5	Văn	2			2				2				2		
6	Sử	1			1				1				1		
7	Địa	1			1				1				1		
8	Tiếng anh	2			2				2				2		
9	GDCD	1			1				1				1		
10	Công nghệ														
11	Thể dục	1		1					1				1		
12	QPAN	1			1				1				1		
13	Âm nhạc														
14	Mỹ thuật														
15	Tin học	1			1				1				1		
II	Cán bộ quản lý	2			3								2		
1	Hiệu trưởng	1			1								1		
2	Phó hiệu trưởng	1			1								1		
III	Nhân viên	9			3	1	5						1		
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin	1				1									
8	Nhân viên HD68	4					4								

Tuy Đức, ngày 28 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Bàn Văn Chánh